

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU

GLOBAL TRAVEL INSURANCE

JCB ULTIMATE | VISA SIGNATURE | WORLD MASTERCARD | MASTERCARD VIP | VISA PLATINUM | VISA PLATINUM CASH BACK | VISA PLATINUM TIKI | VISA CORPORATE PLATINUM | BUSINESS GOLD | VIETNAM AIRLINES VISA SIGNATURE | VIETNAM AIRLINES VISA PLATINUM | JCB DEBIT PLATINUM | VISA FLC PLATINUM CORPORATE

HẠNG MỤC

MỨC BỒI THƯỜNG TỐI ĐA

Tử vong và thương tật vĩnh viễn do tai nạn du lịch

Personal accidental death and disablement

Chủ thẻ và Vợ / Chồng từ 65 tuổi trở xuống <i>Cardholder and Spouse aged 65 and below</i>	Tối đa 11.655.000.000 VND (~500.000USD) <i>Max. VND 11,655,000,000 (~ USD 500,000)</i>
Chủ thẻ và Vợ / Chồng từ 66 đến 80 tuổi <i>Cardholder and Spouse aged 66 to 80</i>	Tối đa 5.827.500.000 VND (~250.000 USD) <i>Max. VND 5,827,500,000 (~USD 250,000)</i>
Trẻ em phụ thuộc <i>Dependent children</i>	Tối đa 582.750.000 VND (~25.000 USD) <i>Max. VND 582,750,000 (~USD 25,000)</i>

Thất lạc hành lý du lịch/*Loss of Travel Baggage*

Đối với 01 mặt hàng <i>In respect of one article</i>	Tối đa 23.310.000 VND (~ 1.000 USD) <i>Max. VND 23,310,000 (~ USD 1,000)</i>
Đối với máy tính xách tay <i>In respect of laptop(s)</i>	Tối đa 23.310.000 VND (~ 1.000 USD) <i>Max. VND 23,310,000 (~ USD 1,000)</i>
Đối với toàn bộ trang sức và đồ vật có giá trị <i>In respect of jewelry and valuables</i>	Tối đa 6.993.000 VND (~ 300 USD) <i>Max. VND 6,993,000 (~ USD 300)</i>

Trì hoãn hành lý / *Baggage Delay*

(Không áp dụng 04 giờ chậm trễ đầu tiên /
Not covered for the first 04 late hours per incident)

500.000 VND/giờ (~ 22 USD), tối đa 12h
chậm trễ
VND 500,000 (~ USD 22) / late hour, up to 12 late hours

Trì hoãn chuyến bay / *Flight Delay*

(Không áp dụng trong 4 giờ chậm trễ đầu tiên /
Not covered for the first 4 late hours per incident)

500.000 VND/giờ (~ 22 USD), tối đa 12h
chậm trễ
VND 500,000 (~ USD 22) / late hour, up to 12 late hours

Hủy bỏ chuyến bay

Flight Cancellation

5.827.500 VND (~ 250 USD)

VND 5,827,500 (~ USD 250)

Tổng đài hỗ trợ du lịch và y tế khẩn cấp

International SOS

International SOS Emergency medical and travel assistance hotline

Miễn phí tổng đài tư vấn /

Free hotline consultation

(*) Các điều khoản và điều kiện áp dụng kèm theo. / *Terms and conditions applied.*

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

CONTENTS | MỤC LỤC

Section 1 Mục 1	The Certificate of Insurance Giấy chứng nhận bảo hiểm	Page 3 Trang số 3
Section 2 Mục 2	Meaning of words Ý nghĩa của thuật ngữ	Page 4-11 Trang số 4-11
Section 3 Mục 3	Geographical limits Giới hạn địa lý	Page 11 Trang số 11
Section 4 Mục 4	Eligibility Đủ điều kiện	Page 12 Trang số 12
Section 5 Mục 6	Medical and Travel Assistance Hỗ trợ Y tế & Di chuyển	Page 13-15 Trang số 13-15
Section 6 Mục 6	Emergency Medical, Evacuation and Repatriation Expenses Chi phí y tế khẩn cấp, sơ tán và hồi hương	Page 16-19 Trang số 16-19
Section 7 Mục 7	Personal Accident Tai nạn cá nhân	Page 20-21 Trang số 20-21
Section 8 Mục 8	Baggage Hành lý	Page 22-23 Trang số 22-23
Section 9 Mục 9	Trip Cancellation Hủy bỏ chuyến đi	Page 23-25 Trang số 23-25
Section 10 Mục 10	Inconveniences Bất tiện	Page 26-28 Trang số 26-28
Section 11 Mục 11	Summary of benefits, Limits of indemnity and Excesses Tóm tắt các quyền lợi, giới hạn bồi thường và mức miễn trừ	Page 29-31 Trang số 29-31
Section 12 Mục 12	General Conditions Điều kiện chung	Page 32-34 Trang số 32-34
Section 13 Mục 13	General Exclusions Loại trừ chung	Page 35-47 Trang số 35-47
Section 14 Mục 14	Requesting emergency or travel assistance Yêu cầu khẩn cấp hoặc hỗ trợ di chuyển	Page 47 Trang số 47
Section 15 Mục 15	How to make a claim Cách lập một yêu cầu bồi thường	Page 48 Trang số 48
Section 16 Mục 16	Claim documents Thủ tục Yêu cầu bồi thường	Page 49-52 Trang số 49-52
Section 17 Mục 17	Other Provisions Các điều khoản khác	Page 53 Trang số 53

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 01: THE CERTIFICATE OF INSURANCE

MỤC 01: GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM

This document contains the details of the cover, and the terms, conditions and exclusions relating to each Cardholder, and is the basis upon which all claims will be settled.

Tài liệu này bao gồm các nội dung chi tiết về phạm vi bảo hiểm, các điều khoản, điều kiện và loại trừ liên quan đến từng Chủ thẻ và là cơ sở giải quyết tất cả các khiếu nại của chính Chủ thẻ.

The Benefits are underwritten by **PVI Insurance**. **PVI Insurance**'s operations are regulated by Ministry of Finance.

*Các quyền lợi được bảo hiểm bởi **Bảo hiểm PVI**. Hoạt động kinh doanh của **Bảo hiểm PVI** được quản lý bởi Bộ Tài chính.*

The Services are either provided or arranged by **International SOS**. In certain cases, where **International SOS** arranges assistance services upon Cardholder's request, the cost of such services must be borne by the cardholder.

*Các dịch vụ được cung cấp hoặc sắp xếp bởi **Công ty International SOS (ISOS)**. Trong một số trường hợp, khi **ISOS** sắp xếp dịch vụ hỗ trợ theo yêu cầu Chủ thẻ, Chủ thẻ phải thanh toán chi phí của các dịch vụ đó.*

This Certificate shall be governed and construed in accordance with the laws of Vietnam, and the courts of Vietnam shall have jurisdiction in any dispute arising hereunder.

Giấy chứng nhận này sẽ được điều chỉnh bởi và hiểu theo luật pháp của Việt Nam, và các tòa án của Việt Nam sẽ có thẩm quyền giải quyết trong bất kỳ tranh chấp nào phát sinh dưới đây.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ

Accident shall mean any sudden, unexpected, external and violent and specific event which occurs at an identifiable time (moment or point in time) and place which results in Bodily Injury.

Tai nạn có nghĩa là sự cố bất ngờ, không lường trước, bị gây ra bởi tác động bên ngoài, nghiêm trọng xảy ra tại một thời điểm và địa điểm nhất định dẫn đến thương tật cơ thể.

Act of Terrorism shall mean an act, including but not limited to the use of force or violence and/or threat thereof, of any person or group(s) of persons, whether acting alone or on behalf of or in connection with any organisation(s) or government(s), committed for political, religious, ideological or similar purposes or reasons including the intention to influence any government and/or to put the public, or any section of the public, in fear.

Hành vi khủng bố có nghĩa là hành động, bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng vũ lực hoặc bạo lực và/hoặc sự đe dọa của bất kỳ người hoặc nhóm người nào, cho dù hành động một mình hoặc thay mặt hoặc liên quan đến bất kỳ tổ chức nào (hoặc chính phủ vì mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc tương tự nhằm gây ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ và/hoặc khiến công chúng, hoặc bất kỳ thành phần nào của công chúng sợ hãi.

Baggage shall mean accompanied personal goods belonging to the Cardholder or for which the Cardholder is responsible and which are taken by the Cardholder on a Journey or acquired by the Cardholder during a Journey.

Hành lý có nghĩa là hàng hóa cá nhân thuộc sở hữu của Chủ thẻ hoặc trách nhiệm của Chủ thẻ, được Chủ thẻ mang theo trong Hành trình hoặc Chủ thẻ có được trong Hành trình.

Benefits shall mean the indemnified benefits supplied by the Underwriter under the terms and conditions of this Certificate, as set out in sections 6 to 14 inclusive.

Quyền lợi có nghĩa là các quyền lợi chi trả bảo hiểm hoặc bồi thường được cung cấp bởi Đơn vị Bảo hiểm theo các điều khoản và điều kiện của Giấy chứng nhận này, như được nêu trong các mục từ 6 đến hết 14.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS (cont)

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ (tiếp theo)

Bodily Injury shall mean identifiable physical injury, which is caused by an Accident and which within twelve months from the date of the Accident results in the Cardholder's death, Permanent Total Disablement or Dismemberment.

Thương tật cơ thể có nghĩa là chấn thương cơ thể có thể nhận thấy bị gây ra bởi tai nạn và trong vòng mười hai tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn dẫn tới Chủ thẻ bị tử vong, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc Cắt cụt chi.

Card(s) means a valid international SACOMBANK credit or debit card(s) of product brand names (including JCB Ultimate, VISA Signature, World MASTERCARD, VISA/JCB Platinum, VISA Business Gold, VISA Corporate Platinum) of which the Benefits and Services of this Certificate have been incorporated.

Thẻ được định nghĩa là thẻ tín dụng hoặc thẻ thanh toán quốc tế đang hoạt động mang thương hiệu SACOMBANK mang thương hiệu JCB Ultimate, VISA Signature, World MASTERCARD, VISA/JCB Platinum, VISA Business Gold, VISA Corporate Platinum có bao gồm các Quyền lợi và Dịch vụ của Giấy chứng nhận này.

Cardholder/s shall mean any person not yet 81 years old who has a valid insured 'card' as defined in this section, and will include any Family or any Colleague, up to a maximum of three people, who are all travelling on a Journey from his/her principal place of residence or place of work with pre-assigned ticketing.

Chủ thẻ có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào dưới 81 tuổi sở hữu 'thẻ' đang hoạt động và được bảo hiểm theo định nghĩa tại mục này sử dụng và sẽ bao gồm bất kỳ Người thân hoặc Đồng nghiệp nào, tối đa ba người đi cùng trên Hành trình từ nơi cư trú chính hoặc nơi làm việc của mình với vé được chỉ định trước.

Certificate means this Certificate of Insurance.

Giấy chứng nhận có nghĩa là Giấy chứng nhận bảo hiểm này.

Colleague shall mean any business associate, client, guest, friend or other person (other than Family) as the Cardholder wishes, up to a maximum of three people, travelling with the Cardholder on a Journey.

Đồng nghiệp có nghĩa là bất kỳ đối tác kinh doanh, khách hàng, khách mời, bạn bè hoặc người khác (ngoài Gia đình), tối đa ba người, đi cùng Chủ thẻ trong Hành trình.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS (cont)

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ (tiếp theo)

Common Carrier shall mean any public transport by road, rail, sea or air with a licensed carrier operating a regular and/or charter passenger service.

Hãng/Đơn vị vận tải công cộng có nghĩa là bất kỳ phương tiện giao thông công cộng nào bằng đường bộ, đường sắt, đường biển hoặc đường hàng không với nhà cung cấp dịch vụ được cấp phép hoạt động thường xuyên và/hoặc dịch vụ vận tải hành khách.

Compulsory Inclusion shall mean the automatic provision of Benefits and Services to the Cardholders where the Benefits and Services are not offered on an optional basis.

Bắt buộc bao gồm có nghĩa là việc cung cấp tất yếu các quyền lợi và dịch vụ không mang tính chất tùy chọn cho các Chủ thẻ.

Client means SACOMBANK, 266 -268 Nam Ky Khoi Nghia Street, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam

Khách hàng có nghĩa là SACOMBANK, 266 -268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ISOS means International SOS company (www.internationalsos.com)

ISOS nghĩa là công ty International SOS (www.internationalsos.com).

Dependent Children means the children, step-children and legally adopted children of the Cardholder who are:

Trẻ em phụ thuộc có nghĩa là con cái, con riêng và con nuôi hợp pháp của Chủ thẻ: unmarried, and;

Chưa lập gia đình, và;

living with such Cardholder (unless living elsewhere whilst in full time education), and;

Sống cùng với Chủ thẻ đó (trừ khi sống ở nơi khác trong khi đang học toàn thời gian), và;

travelling with such Cardholder, and;

Đi cùng với Chủ thẻ đó, và;

under 19 years of age (or under 24 years of age if in full time education)

Dưới 19 tuổi (hoặc dưới 24 tuổi nếu học toàn thời gian).

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS (cont)

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ (tiếp theo)

Default means any breach of the obligations of either Party or any act, omission, negligent act or statement of either Party, its employees, agents or sub-contractors and in respect of which liability arises from the defaulting Party to the other.

Vì phạm có nghĩa là bất kỳ hành vi vi phạm nghĩa vụ của một trong hai bên hoặc bất kỳ hành động, thiếu sót, hành động sơ suất hoặc tuyên bố của một trong hai bên, nhân viên, đại lý hoặc nhà thầu phụ và theo đó ràng buộc trách nhiệm của bên vi phạm đối với bên còn lại.

Dismemberment means the loss of a limb including loss of use of limb or loss of eye(s) including total and irrecoverable loss of sight occurring within 12 months of the date of the Accident.

Cắt đứt chi có nghĩa là mất một chi, bao gồm cả việc mất khả năng sử dụng chi hoặc mất một hoặc hai mắt bao gồm mất toàn bộ thị lực không thể phục hồi trong vòng 12 tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn.

Family shall mean the Spouse and Dependent Children of the Cardholder.

Gia đình có nghĩa là vợ/chồng và con cái của Chủ thẻ.

General Exclusions means the exclusions listed in Section 13 of this Certificate

Loại trừ chung có nghĩa là các loại trừ được liệt kê trong Phần 13 của Giấy chứng nhận này.

Hi-jack means unlawful seizure or wrongful exercise of control of an aircraft or conveyance, or the crew thereof.

Cướp máy bay có nghĩa là thu giữ bất hợp pháp hoặc thực hiện sai sự kiểm soát của một chiếc máy bay hoặc hành trình hoặc thủy thủ đoàn.

Illness shall mean any sudden and unexpected deterioration of health certified by a competent medical authority and agreed by an International SOS Physician.

Bệnh tật có nghĩa là bất kỳ sự suy giảm sức khỏe đột ngột và bất ngờ nào được chứng nhận bởi cơ quan y tế có thẩm quyền và được một bác sĩ iSOS đồng ý.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS (cont)

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ (tiếp theo)

International SOS Physician shall mean the physicians nominated by the International SOS assistance centres throughout the world.

Bác sĩ ISOS có nghĩa là các bác sĩ được chỉ định bởi các trung tâm hỗ trợ ISOS trên toàn thế giới.

Jewellery and Valuables shall mean items composed of gold, silver or other precious metals or semi-precious stones, furs, curios, works of fine art and photographic equipment only.

Đồ trang sức và vật có giá trị có nghĩa là các vật phẩm gồm vàng, bạc hoặc các kim loại quý khác hoặc đá bán quý, lông thú, đồ cổ, các tác phẩm nghệ thuật và thiết bị chụp ảnh.

Journey shall mean the first 90 days of any trip falling entirely within the Period of Insurance (unlimited number of journeys during the Period of Insurance), **where at least 50% of the total value of tickets for the entire journey on a Domestic Common Carrier or Common Carrier have been paid by using the insure card.** The Journey shall be deemed to have begun with the Cardholder's departure from the home where such Cardholder normally resides and shall have ended upon return to that home.

Hành trình có nghĩa là 90 ngày đầu tiên của bất kỳ chuyến đi nào (mà Chủ thẻ đã sử dụng thẻ được bảo hiểm để thanh toán tối thiểu 50% tổng chi phí sử dụng phương tiện vận chuyển công cộng cho toàn bộ hành trình du lịch) rơi hoàn toàn trong Thời hạn bảo hiểm (số chuyến đi không giới hạn trong Thời hạn bảo hiểm). Hành trình sẽ được coi là đã bắt đầu với sự khởi hành của Chủ thẻ từ nơi mà Chủ thẻ thường trú và sẽ kết thúc khi trở về nơi thường trú đó.

Limit of Indemnity refers to the maximum amount of third party expenses for which the Underwriter shall be responsible under this Certificate towards any one Cardholder during any one event, subject to the terms and conditions as defined hereunder.

Giới hạn bồi thường là số tiền bồi thường tối đa cho bên thứ ba mà Đơn vị Bảo hiểm chịu trách nhiệm theo Giấy chứng nhận này đối với bất kỳ Chủ thẻ nào trong bất kỳ sự kiện nào, tuân theo các điều khoản và điều kiện như được định nghĩa dưới đây.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS (cont)

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ (tiếp theo)

Medical Expenses shall mean all reasonable costs necessarily incurred during the Journey for hospital, surgical or other diagnostic or remedial treatment given or prescribed by a Qualified Medical Practitioner.

Chi phí y tế có nghĩa là tất cả các chi phí hợp lý cần thiết phát sinh cho bệnh viện, phẫu thuật, chẩn đoán hoặc điều trị khác được cung cấp hoặc chỉ định bởi một chuyên gia y tế có trình độ.

Money shall mean coins, bank notes, postal and money orders, signed travellers and other cheques, letters of credit, travel tickets, credit cards, petrol coupons and other coupons.

Tiền có nghĩa là tiền xu, tiền giấy, phiếu tiền và tiền do bưu điện phát hành, séc có chữ ký của hành khách, thư tín dụng, vé du lịch, thẻ tín dụng, phiếu giảm giá xăng dầu và các phiếu giảm giá khác.

Party means a party to this contract of insurance

Bên có nghĩa là một bên tham gia hợp đồng bảo hiểm này.

Permanent Total Disablement shall mean disablement which medical evidence confirms, which has prevented the Cardholder from engaging in any gainful occupation for at least twelve months and will in all probability entirely prevent the Cardholder from engaging in any gainful occupation whatsoever for the remainder of his/her life.

Thương tật toàn bộ vĩnh viễn có nghĩa là thương tật có sự xác nhận của bằng chứng y khoa, ngăn cản Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ nghề nghiệp nào trong ít nhất mười hai tháng và sẽ có khả năng hạn chế Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ nghề nghiệp nào có lợi ích trong phần còn lại của cuộc đời.

Pre-existing means any illness, defect, physical infirmity or condition, including sequelae or complications thereof that in the opinion of a medical practitioner appointed by International SOS can reasonably be related thereto, for which the Cardholder is receiving or has received medical treatment, advice or investigation prior to the Journey.

Tồn tại từ trước có nghĩa là bất kỳ bệnh tật, khuyết tật, hoặc tình trạng nào, bao gồm di chứng hoặc biến chứng mà theo ý kiến của một chuyên viên y tế do ISOS chỉ định có thể liên quan hợp lý đến tình trạng mà Chủ thẻ đang nhận hoặc đã được điều trị, tư vấn y tế hoặc điều tra trước Hành trình.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS (cont)

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ (tiếp theo)

Principal Country of Residence shall mean that country in which the Cardholders has his/her principal place of residence. Immediate Family assumes the nationality of the Cardholder for the purposes of this insurance. In the event of dual nationality, the Cardholder assumes the nationality of their Principal Country of Residence for the purposes and for the duration of this insurance.

Quốc gia cư trú chính có nghĩa là quốc gia nơi Chủ thẻ cư trú chính. Gia đình ruột thịt của Chủ thẻ sẽ mang quốc tịch của Chủ thẻ cho mục đích của Giấy chứng nhận bảo hiểm này. Trong trường hợp có quốc tịch kép, Chủ thẻ thừa nhận quốc tịch của Quốc gia cư trú chính của họ cho các mục đích và trong thời hạn của Giấy chứng nhận bảo hiểm này.

Qualified Medical Practitioner shall mean a doctor or specialist who is registered or licensed to practice medicine or dentistry under the laws of the country in which they practice and who is not the Cardholder, a member of his/her Family or a Colleague.

Chuyên viên Y khoa đủ điều kiện có nghĩa là bác sĩ hoặc chuyên gia đã đăng ký hoặc được cấp giấy phép hành nghề y hoặc nha khoa theo luật của quốc gia họ thực hành và không phải là Chủ thẻ, thành viên của gia đình hoặc đồng nghiệp của họ.

Relative shall mean spouse, mother, mother-in-law, father, father-in-law, daughter, daughter-in-law, son, son-in-law, (including legally adopted daughter or son), brother, brother-in-law, sister, sister-in-law, grandfather, grandmother, grandson, granddaughter or fiancé (e) of a Cardholder.

Người thân có nghĩa là vợ/chồng theo pháp luật hoặc được công nhận do hôn nhân thực tế, mẹ, mẹ chồng/vợ, cha, cha chồng/vợ, con gái, con dâu, con trai, con rể (bao gồm con gái hoặc con trai nuôi hợp pháp), anh trai, anh rể, chị gái, chị dâu, ông, bà, cháu gái, cháu trai, vị hôn phu của Chủ thẻ.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 02: MEANING OF WORDS (cont)

MỤC 02: Ý NGHĨA CỦA THUẬT NGỮ (tiếp theo)

Serious Medical Condition shall mean a condition, which in the opinion of an International SOS Physician requires emergency medical treatment to avoid death or serious impairment to the Cardholder's health. In determining whether such a condition exists, the International SOS Physician may consider the Cardholder's geographical location, the nature of the medical emergency and the local availability of appropriate medical care or facilities.

Tình trạng y tế nghiêm trọng có nghĩa là điều kiện, theo ý kiến của Bác sĩ ISOS cần điều trị y tế khẩn cấp để tránh tử vong hoặc tác động nghiêm trọng đến sức khỏe của Chủ thẻ. Trong việc xác định xem tình trạng như vậy có tồn tại hay không, Bác sĩ ISOS có thể xem xét khu vực địa lý của Chủ thẻ, bản chất của trường hợp cấp cứu y khoa và sự sẵn có của các dịch vụ hoặc cơ sở chăm sóc y tế phù hợp tại địa phương.

Services refer to 24-hour assistance and other related emergency services to be provided by International SOS as described in section 5 of this Certificate.

(Các) dịch vụ đề cập đến các dịch vụ hỗ trợ 24 giờ và các dịch vụ khẩn cấp liên quan khác được tổ chức ISOS cung cấp như được mô tả trong mục 6 của Giấy chứng nhận này.

Spouse shall mean either the Cardholder's legal wife/husband.

Vợ/chồng có nghĩa là vợ/chồng hợp pháp của Chủ thẻ.

Underwriter or Insurer refers to PVI Insurance Gia Đình Corporation.

Đơn vị bảo hiểm là Tổng Công ty Bảo hiểm PVI Gia Đình.

SECTION 03: GEOGRAPHICAL LIMITS

MỤC 03: GIỚI HẠN ĐỊA LÝ

The Services and Benefits described in this Certificate are provided on a worldwide basis. Các Dịch vụ và Quyền lợi được mô tả trong Giấy chứng nhận này được cung cấp trên toàn thế giới.

Exclusion for expenses incurred < 100 km of the Cardholder's Principal Residence or place of work;

Loại trừ các chi phí trong các chuyến đi < 100 km của nơi cư trú hoặc nơi làm việc chính của Chủ thẻ;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 04: ELIGIBILITY

MỤC 04: ĐỦ ĐIỀU KIỆN

- 4.1** Only Cardholders who are not yet 81 years old on the Effective Date or renewal date shall be eligible for Benefits and/or Services under this insurance.

Chỉ những Chủ thẻ chưa đủ 81 tuổi vào Ngày có hiệu lực hoặc ngày gia hạn mới đủ điều kiện hưởng các Quyền lợi và/hoặc Dịch vụ theo Giấy chứng nhận bảo hiểm này.

- 4.2** The Cardholder is eligible for the Benefits and/or Services in accordance with the terms and conditions of this Certificate or any other eligibility criteria set by the Client in writing with the prior agreement from the Underwriter and/or International SOS.

Chủ thẻ được hưởng các Quyền lợi và/hoặc Dịch vụ theo các điều khoản và điều kiện của Giấy chứng nhận này hoặc bất kỳ tiêu chí đủ điều kiện khác do SACOMBANK đưa ra bằng văn bản với thỏa thuận trước từ Nhà bảo hiểm và/hoặc ISOS.

- 4.3** The Benefits and Services provided to the Cardholders shall be on a Compulsory Inclusion basis.

Các Quyền lợi và Dịch vụ được cung cấp cho Chủ thẻ sẽ được dựa trên cơ sở Bao gồm bắt buộc.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 05: MEDICAL AND TRAVEL ASSISTANCE SERVICES

MỤC 05: DỊCH VỤ Y TẾ VÀ HỖ TRỢ DI CHUYỂN

5.1 Assistance Services / Dịch vụ hỗ trợ

International SOS will provide various medical and travel assistance services. Those services provided directly by International SOS are covered under the terms of this Certificate, subject to the Premium having been paid. Where a third party, such as a physician or courier, is utilised the provision of such services upon Cardholder's request is at the expense of the cardholder, unless such costs are covered under the terms of this certificate.

ISOS sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ y tế và trợ giúp du lịch khác nhau. Các dịch vụ được cung cấp trực tiếp bởi ISOS được bao gồm theo các điều khoản của Giấy chứng nhận này, tùy thuộc vào Phí bảo hiểm đã được thanh toán. Các chi phí phát sinh trong trường hợp có một bên thứ ba, chẳng hạn như bác sĩ hoặc chuyển phát nhanh cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của Chủ thẻ sẽ được chi trả bởi Chủ thẻ, trừ khi các chi phí này được bao trả theo các điều khoản của chứng nhận này.

5.2 International SOS Services (also referred as ISOS) | Dịch vụ International SOS (viết tắt là ISOS)

5.2.01 Telephone assistance | Hỗ trợ qua điện thoại.

If contacted ISOS will provide medical advice to the Cardholder by telephone, including information on inoculation requirements for travel. International SOS will also provide information on travel visas. It must be noted that any such advice is inevitably limited by the circumstances and International SOS cannot be held liable for errors.

ISOS sẽ cung cấp dịch vụ tư vấn y tế cho Chủ thẻ qua điện thoại, bao gồm thông tin về các yêu cầu về chủng ngừa cho việc đi lại. ISOS cũng sẽ cung cấp thông tin về thị thực du lịch. Cần lưu ý rằng bất kỳ thông tin tư vấn nào đưa ra sẽ không tránh khỏi bị giới hạn bởi hoàn cảnh và ISOS không thể chịu trách nhiệm về các lỗi phát sinh.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 05: MEDICAL AND TRAVEL ASSISTANCE SERVICES (cont)

MỤC 05: DỊCH VỤ Y TẾ VÀ HỖ TRỢ DI CHUYỂN (tiếp theo)

5.2.02 Service Provider referral | Giới thiệu nhà cung cấp dịch vụ

If contacted, ISOS will provide to the Cardholder contact details for medical or legal service providers, including physicians, dentists, lawyers, legal practitioners, interpreters, hospitals and other relevant persons or institutions. In such cases, whilst ISOS exercises care and diligence in selecting the providers, does not provide the actual advice and is not responsible for the advice given or the outcome thereof. Further, unless the costs of the provision of the actual services by third parties are covered by this agreement, they must be borne separately by the Cardholder.

ISOS sẽ cung cấp theo yêu cầu của Chủ thẻ thông tin liên hệ của các nhà cung cấp dịch vụ y tế hoặc pháp lý, bao gồm bác sĩ, nha sĩ, luật sư, hành nghề pháp lý, phiên dịch, bệnh viện và những người hoặc tổ chức có liên quan khác. ISOS sẽ lựa chọn nhà cung cấp với sự cẩn trọng, tuy nhiên chỉ mang tính chất tham khảo và do đó sẽ miễn trừ trách nhiệm liên quan đến bất kỳ lời tư vấn nào và các hệ quả liên quan. Ngoài ra, trừ khi chi phí cung cấp dịch vụ thực tế của bên thứ ba được bao gồm trong phạm vi bồi thường của thỏa thuận này, Chủ thẻ phải thanh toán riêng các chi phí này.

5.2.03 Medical Monitoring | Giám sát y tế

In the event of a Cardholder requiring hospitalisation, ISOS will, if required, monitor the cardholder's medical condition during and after hospitalisation until the Cardholder regains a normal state of health, subject to any and all obligations in respect of confidentiality and relevant authorisation.

Trong trường hợp Chủ thẻ cần nhập viện, ISOS sẽ theo dõi tình trạng sức khỏe của Chủ thẻ trong thời gian và sau khi nhập viện cho đến khi Chủ thẻ lấy lại tình trạng sức khỏe bình thường, tuân theo mọi nghĩa vụ liên quan đến bảo mật và ủy quyền có liên quan.

5.2.04 Cardholder support | Hỗ trợ Chủ thẻ

If Cardholder's credit or charge cards are lost or stolen while Cardholder's are abroad, ISOS will advise of emergency contact numbers for card carriers.

Nếu thẻ tín dụng hoặc thẻ tín dụng của Chủ thẻ bị mất hoặc bị đánh cắp trong khi Chủ thẻ ở nước ngoài, ISOS sẽ tư vấn thông tin liên hệ khẩn cấp của nhà cung cấp thẻ.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 05: MEDICAL AND TRAVEL ASSISTANCE SERVICES (cont)

MỤC 05: DỊCH VỤ Y TẾ VÀ HỖ TRỢ DI CHUYỂN (tiếp theo)

5.2.05 Guarantee of Payment / Bảo lãnh thanh toán

If covered under the terms of this certificate, ISOS will guarantee or pay any required hospital admittance deposit on behalf of a Cardholder.

Nếu được bảo hiểm theo các điều khoản của Giấy chứng nhận này, ISOS sẽ đảm bảo hoặc thanh toán bất kỳ khoản tiền gửi yêu cầu nhập viện nào thay mặt cho Chủ thẻ.

5.3 Third Party Services / Dịch vụ của Bên thứ ba

5.3.01 In the event of an emergency where, either the Cardholder cannot be adequately assessed by telephone for possible evacuation, or the Cardholder cannot be moved and local medical treatment is unavailable, International SOS will, send an appropriate medical practitioner to the Cardholder. International SOS will not pay for the costs of such services unless covered under the terms of this certificate.

Trong trường hợp khẩn cấp mà Chủ thẻ không thể được đánh giá đầy đủ qua điện thoại để có thể di tản hoặc Chủ thẻ không thể di chuyển và không có điều trị y tế địa phương, ISOS sẽ cử một chuyên viên y tế thích hợp đến chỗ của Chủ thẻ. ISOS sẽ không thanh toán cho các chi phí của các dịch vụ đó trừ khi được bao trả theo các điều khoản của giấy chứng nhận này.

5.3.02 ISOS will arrange to have delivered to the Cardholder essential medicine, drugs, medical supplies or medical equipment that are necessary for a Cardholder's care and/or treatment but which are not available at the Cardholder's location. The delivery of such medicine, drugs and medical supplies will be subject to the laws and regulations applicable locally. ISOS will not pay for the costs of such medicine, drugs or medical supplies and any delivery costs thereof unless covered under the terms of this certificate.

ISOS sẽ sắp xếp gửi thuốc, dược phẩm và vật tư y tế hoặc thiết bị y tế cần thiết cho việc chăm sóc và/hoặc điều trị Chủ thẻ nhưng không có sẵn tại địa điểm của Chủ thẻ. Việc cung cấp thuốc, dược phẩm và vật tư y tế đó sẽ tuân theo pháp luật và quy định được áp dụng tại địa phương. ISOS sẽ không thanh toán các chi phí thuốc, dược phẩm hoặc vật tư y tế đó và bất kỳ chi phí giao hàng nào trừ khi được bao trả theo các điều khoản của Giấy chứng nhận này.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 06: EMERGENCY MEDICAL, EVACUATION & REPATRIATION

MỤC 06: Y TẾ KHẨN CẤP, SƠ TÁN VÀ HỒI HƯƠNG

6.1 Medical Expenses / Các chi phí y tế

If a Cardholder incurs Medical Expenses whilst on a Journey as the direct result of the Cardholder sustaining Bodily Injury or an Illness, the Underwriter will indemnify the Cardholder in respect of such expenses if covered in Section 11 of this Certificate.

Nếu Chủ thẻ phát sinh Chi phí y tế trong khi Hành trình là hệ quả trực tiếp của việc Chủ thẻ bị thương tật cơ thể hoặc bệnh tật, Đơn vị Bảo hiểm sẽ chi trả cho Chủ thẻ các chi phí này nếu được bao trả theo Mục 11 của Giấy chứng nhận này.

6.2 Emergency Evacuation and Repatriation Services / Dịch vụ sơ tán khẩn cấp và hồi hương

6.2.01 In the event that a Cardholder suffers an Illness, Accident or Bodily Injury whilst on a Journey, and the Cardholder is in a Serious Medical Condition, and in the opinion of International SOS (ISOS) such arrangements are necessary on medical grounds, ISOS will arrange for the transportation for moving the Cardholder to the nearest hospital where appropriate medical care is available or International SOS will arrange for the return of the Cardholder to the Principal Country of Residence.

Trong trường hợp Chủ thẻ bị Bệnh, Tai nạn hoặc Thương tật cơ thể trong Hành trình và Chủ thẻ đang trong Tình trạng y tế nghiêm trọng, và theo ý kiến của ISOS, những sắp xếp đó là cần thiết trên cơ sở y tế, ISOS sẽ sắp xếp cho vận chuyển để chuyển Chủ thẻ đến bệnh viện gần nhất nơi có dịch vụ chăm sóc y tế thích hợp hoặc ISOS sẽ sắp xếp việc đưa Chủ thẻ về lại Quốc gia cư trú chính.

6.2.02 If required, ISOS will also arrange for the provision of appropriate communication and linguistic capabilities, mobile medical equipment and a medical escort.

Nếu được yêu cầu, ISOS cũng sẽ hỗ trợ phiên dịch theo ngôn ngữ phù hợp, thiết bị y tế di động và người hộ tống y tế.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 06: EMERGENCY MEDICAL, EVACUATION & REPATRIATION (cont) / MỤC 06: Y TẾ KHẨN CẤP, SƠ TÁN VÀ HỒI HƯƠNG (tiếp theo)

6.2.03 ISOS retains the absolute right to decide whether the Cardholder's medical condition is sufficiently serious to warrant an emergency medical evacuation. ISOS further reserves the right to decide the place to which the Cardholder shall be evacuated to and the means or method by which such evacuation will be carried out having taken into account all the assessed facts and circumstances of which International SOS is aware at the relevant time.

ISOS có quyền tuyệt đối để quyết định liệu tình trạng sức khỏe của Chủ thẻ có đủ nghiêm trọng để đảm bảo sơ tán y tế khẩn cấp hay không. ISOS cũng có quyền bảo lưu quyền quyết định nơi Chủ thẻ sẽ được sơ tán và phương tiện hoặc phương pháp mà việc di tản sẽ được thực hiện căn cứ theo đánh giá tình hình thực tế mà SOS nhận thức tại thời điểm đó.

6.2.04 ISOS reserves the right to decide the means or method by which such repatriation will be carried out having taken into account all the assessed facts and circumstances of which ISOS is aware at the relevant time.

ISOS có quyền quyết định phương tiện hoặc phương thức thực hiện việc hồi hương căn cứ theo đánh giá tình hình thực tế mà SOS nhận thức tại thời điểm đó.

6.3 Transportation of Mortal Remains / Hồi hương thi hài

In the case of death of a covered person(s) whilst on a Journey abroad, ISOS will arrange for transporting covered person(s)'s mortal remains from the place of death to any location as may be reasonably selected by the Cardholder's legal personal representative.

Trong trường hợp người được bảo hiểm bị tử vong trong Hành trình ở nước ngoài, ISOS sẽ sắp xếp đưa thi hài của người được bảo hiểm từ nơi tử vong đến bất kỳ địa điểm nào do đại diện hợp pháp của Chủ thẻ lựa chọn hợp lý.

6.4 Transportation to join a Cardholder / Vận chuyển cùng với một Chủ thẻ khác

ISOS will arrange an economy class return ticket for a person chosen by the Cardholder to join the Cardholder who has been or will be hospitalised outside the Principal Country of Residence as a result of Accident or Illness for a period in excess of 7 consecutive days, subject to ISOS's prior approval and only when judged necessary by ISOS on medical and compassionate grounds.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 06: EMERGENCY MEDICAL, EVACUATION & REPATRIATION **(cont) / MỤC 06: Y TẾ KHẨN CẤP, SƠ TÁN VÀ HỒI HƯƠNG (tiếp theo)**

ISOS sẽ sắp xếp vé khứ hồi hạng phổ thông cho một người được Chủ thẻ lựa chọn để đi cùng với Chủ thẻ trong trường hợp Chủ thẻ đang hoặc sẽ phải nhập viện ngoài Quốc gia cư trú chính do tai nạn hoặc bệnh tật trên 07 ngày liên tục, với điều kiện ISOS đã đồng ý chấp thuận và đánh giá là cần thiết trên cơ sở nhân đạo và y đức.

6.5 Return of Dependent Children / Đưa trẻ em phụ thuộc về nước

If Dependent Children are left unattended as a result of a Cardholder's Accident or Illness whilst on a Journey, ISOS will arrange the transportation for such Dependant Children by Common Carrier to their normal place of residence. Qualified attendants will be provided when deemed appropriate by ISOS.

Nếu Trẻ em phụ thuộc không có người chăm sóc do Chủ thẻ gặp Tai nạn hoặc phát sinh Bệnh tật trên Hành trình, ISOS sẽ sắp xếp phương tiện công cộng để đưa Trẻ em phụ thuộc trở về nơi thường trú. ISOS sẽ cử người chăm sóc (tiếp viên) phù hợp để hộ tống.

Specific Exclusions Applying To Section 06 - Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 06:

6.6 In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are specifically excluded from the cover for emergency Medical Expenses, evacuation & repatriation expenses: *Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan hoặc hậu quả cụ thể sau đây được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm vì Chi phí y tế khẩn cấp, chi phí sơ tán và hồi hương:*

- i. Expenses incurred after 12 months from the time of the Accident or first manifestation of Illness or Bodily Injury; / *Các chi phí phát sinh sau 12 tháng kể từ khi xảy ra Tai nạn hoặc biểu hiện đầu tiên của Bệnh tật hoặc Thương tật cơ thể;*
- ii. Dental or optical expenses, unless incurred as a result of an Accident, Illness or Bodily Injury; / *Chi phí nha khoa hoặc nhãn khoa, trừ khi phát sinh do tai nạn, bệnh tật hoặc thương tật cơ thể;*
- iii. Treatment provided other than by a qualified medical practitioner; / *Điều trị được cung cấp không phải bởi một bác sĩ có trình độ chuyên môn;*
- iv. Expenses incurred within 100 km of the Cardholder's Principal Residence or place of work; / *Các chi phí phát sinh trong phạm vi 100 km của nơi cư trú hoặc nơi làm việc chính của Chủ thẻ;*

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 06: EMERGENCY MEDICAL, EVACUATION & REPATRIATION (cont) / MỤC 06: Y TẾ KHẨN CẤP, SƠ TÁN VÀ HỒI HƯƠNG

Specific Exclusions Applying To Section 06 - Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 06 (tt)

- v. Expenses incurred which are non-medical in nature e.g. telephone calls, newspapers etc; / *Các chi phí phát sinh không mang tính y tế, ví dụ: cước điện thoại, báo chí, v.v;*
- v. Services rendered without the authorisation and/or intervention of ISOS; / *Các dịch vụ được cung cấp mà không có sự cho phép và/hoặc can thiệp của ISOS;*
- vii. Costs, which would have still been payable if the event giving rise to the intervention of ISOS, had not occurred; / *Các chi phí phải thanh toán vốn dĩ sẽ không phát sinh nếu có sự can thiệp của ISOS;*
- viii. Elective cosmetic surgery; / *Phẫu thuật thẩm mỹ tự chọn;*
- ix. Expenses incurred for treatment not verified by a medical report; / *Các chi phí phát sinh cho việc điều trị không được kiểm chứng bởi báo cáo y khoa;*
- x. Cases of minor Illness or Bodily Injury, which in the opinion of the ISOS Physician can be adequately treated locally and which do not prevent the Cardholder from continuing his/her travels or work; / *Các trường hợp mắc bệnh nhẹ hoặc bị thương tật cơ thể không nghiêm trọng mà theo ý kiến của bác sĩ ISOS có thể được điều trị đầy đủ tại địa phương và không ngăn cản Chủ thẻ tiếp tục chuyến đi hoặc công việc của họ;*
- xi. Expenses incurred where the Cardholder in the opinion of the ISOS Physician is physically able to return to his/her Principal Country of Residence seated as a normal passenger and without medical escort; and / *Các chi phí phát sinh trong trường hợp Chủ thẻ theo ý kiến của Bác sĩ ISOS có thể quay trở lại Quốc gia cư trú chính của mình như một hành khách bình thường và không có người hộ tống y tế; và*
- xii. The first USD 100 of each and every claim; / *100 USD đầu tiên của mỗi và mọi yêu cầu bồi thường;*

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 07: PERSONAL ACCIDENT COVER (cont)

MỤC 07: BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN (tiếp theo)

7.1 Common Carrier | Đơn vị vận tải công cộng

7.1.1 If during a Journey where at least 50% of the fare or hire charge has been charged to the Cardholder's Card a Cardholder sustains Bodily Injury during the operative time below and independently of any other cause such Bodily Injury results in the death, total and irrecoverable loss of sight in one or both eyes or Loss of Limb or Permanent Total Disablement of the Cardholder within 12 (twelve) months of the date of the Accident the Insurer will pay to the Cardholder, or such person as may be selected by the Cardholder's legal personal representative(s), the sum detailed in Section 11 of this Certificate.

Nếu trong Hành trình mà (Chủ thẻ đã thanh toán bằng thẻ được bảo hiểm tối thiểu 50% tổng chi phí sử dụng phương tiện vận chuyển công cộng cho hành trình du lịch) Chủ thẻ đã bị thương tích cơ thể từ trước và đang trong thời gian phẫu thuật dưới đây và độc lập với bất kỳ nguyên nhân nào khác gây ra Thương tích cơ thể dẫn đến tử vong, mất thị lực toàn bộ và không thể thu hồi trong một hoặc cả hai mắt hoặc mất chi hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn cho Chủ thẻ trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày xảy ra tai nạn, Đơn vị Bảo hiểm sẽ thanh toán cho Chủ thẻ, hoặc người do theo lựa chọn của đại diện pháp lý cá nhân của Chủ thẻ, tổng số tiền được nêu chi tiết tại Mục 11 của Giấy chứng nhận này.

7.1.2 In respect of the cover provided under **Section 7.1.1** the Journey shall be deemed to have begun when the Cardholder enters an airport, seaport, railway or road station for the purpose of boarding common carrier for which the Card has been used in advance to purchase a ticket and ends upon disembarkation from such Common Carrier.

Đối với phạm vi bảo hiểm được quy định theo Mục 7.1.1 Hành trình sẽ được coi là đã bắt đầu khi Chủ thẻ đi vào sân bay, cảng biển, đường sắt hoặc ga đường cho mục đích mà Thẻ đã được sử dụng trước để mua một vé và kết thúc khi rời khỏi Hãng vận tải công cộng đó.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 07: PERSONAL ACCIDENT COVER (cont)

MỤC 07: BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN (tiếp theo)

Specific Exclusions Applying To Section 07 | Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 07

7.2 In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover provided by this section:

Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan hoặc hậu quả của chúng sau đây được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm vì mục này:

- i. More than one claim under this Section 07 in connection with the same Accident; / *Có trên một yêu cầu bồi thường theo Mục 07 liên quan đến cùng một Tai nạn;*
- ii. Medical or surgical treatment except where Bodily Injury renders such treatment as necessary; and / *Điều trị y tế hoặc phẫu thuật, ngoại trừ điều trị đó là cần thiết cho thương tật cơ thể; và*
- iii. Bodily Injury sustained other than whilst the Cardholder is on a Journey; / *Thương tật cơ thể xảy ra ngoài thời gian Chủ thẻ đang trên Hành trình;*

SECTION 08: BAGGAGE

MỤC 08: HÀNH LÝ

Loss of Baggage | Mất hành lý

8.1 If, whilst on a Journey, a Cardholder sustains loss or damage to Baggage, the Underwriter will indemnify the Cardholder in respect of such loss or damage up to the limits shown in Section 11 of this Certificate.

Trường hợp Chủ thẻ bị thất lạc hoặc thiệt hại hành lý trong hành trình, Đơn vị Bảo hiểm sẽ bồi thường cho Chủ thẻ các tổn thất hoặc thiệt hại liên quan trong hạn mức được nêu trong Mục 11 của Giấy chứng nhận này.

8.2 In order to be reimbursed by the Underwriter, the Cardholder must provide a detailed description of the property along with its date of purchase and value. Bills, invoices or other proof are required. Stolen or damaged property will be valued allowing for wear and tear at the time of the loss.

Để được Đơn vị Bảo hiểm chi trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường, Chủ thẻ phải cung cấp thông tin mô tả chi tiết về tài sản cùng với ngày mua hàng và giá trị. Hóa đơn hoặc bằng chứng khác là bắt buộc. Tài sản bị mất cắp hoặc hư hỏng sẽ được định giá hao mòn tại thời điểm phát sinh sự cố.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 08: BAGGAGE

MỤC 08: HÀNH LÝ

Specific Exclusions Applying To Section 08 / Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 8:

8.3 In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover for Loss of Baggage and/or Money:

Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan hoặc hậu quả của chúng sau đây được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm vì mất hành lý:

- i. More than **VND 23,310,000** in respect of any one article;
Trên 1.000 USD đối với bất kỳ vật dụng hay mặt hàng nào;
- ii. More than **VND 23,310,000** in respect of laptop;
Trên 1.000 USD đối với máy tính xách tay;
- iii. More than **VND 6,993,000 (~USD 300)** in respect of jewellery and valuables in total;
Trên VND 6.993.000 (~300 USD) đối với Trang sức và Vật có giá trị;
- iv. Claims in respect of accessories for vehicles or boats.
Yêu cầu bồi thường liên quan đến các phụ tùng cho xe hoặc tàu.
- v. Loss or damage due to / *Tổn thất hoặc hư hỏng do:*
 - a. moths, vermin, wear and tear, atmospheric or climatic condition or gradual deterioration;
bướm đêm, sâu bọ, hao mòn, điều kiện khí quyển hoặc khí hậu, hao mòn theo thời gian;
 - b. mechanical or electrical failure;
hỏng điện hoặc cơ học;
 - c. any process of cleaning, repairing, restoring or alteration;
bất kỳ quá trình làm sạch, sửa chữa, khôi phục hoặc thay đổi nào;
- vi. More than a reasonable proportion of the total value of the set where the lost or damaged article is part of a pair or set;
Tổn thất do mất hoặc hư hỏng một phần của một bộ hay cặp vượt quá tỷ lệ hợp lý trên tổng giá trị của một bộ vật dụng.
- vii. Loss not reported to either the police, airline, shipping line or their handling agent within 24 hours of discovery and a written report obtained;
Tổn thất không được tường trình đến công an, hãng hàng không, hãng vận chuyển hoặc đại lý phụ trách trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện và bằng tường trình văn bản được thu thập.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 08: BAGGAGE (cont)

MỤC 08: HÀNH LÝ (tiếp theo)

- vii. Loss due to confiscation or detention by customs or any other authority;
Tồn thất do tịch thu hoặc giam giữ bởi hải quan hoặc bất kỳ cơ quan nào khác;
- viii. Losses from unattended vehicles unless secured in a locked boot;
Tồn thất do phương tiện không được bảo vệ trong ngăn hành lý được khóa;
- ix. Baggage left in a vehicle during the hours of darkness, even if protected by an alarm;
Hành lý bỏ lại trong phương tiện vào buổi tối, ngay cả khi được bảo vệ bằng báo động;
- x. Breakage of sports equipment in use or loss of or damage to bicycles or hired equipment;
Thiết bị thể thao đang sử dụng bị phá vỡ hoặc mất, hư hỏng thiết bị cho thuê, xe đạp;
- xi. Loss of or damage to contact, corneal or micro-corneal lenses;
Tồn thất hoặc hư hỏng kính áp tròng, giác mạc hoặc vi giác mạc;
- xii. The first VND **1,165,500** (~USD 50) of each and every claim;
VND 1.165.500 (~50 USD) đầu tiên của mỗi và mọi yêu cầu bồi thường;
- xiii. Loss of personal goods borrowed, hired or rented by the Cardholder.
Mất hàng hóa cá nhân do Chủ thẻ mượn hoặc thuê.

SECTION 09: CANCELLATION

MỤC 09: HỦY BỎ HÀNH TRÌNH

If, a Cardholder incurs expenses as the direct and necessary result of the cancellation, curtailment or re-arrangement of any part of the original plan for the Cardholder's Journey as the direct consequence of:

Nếu Chủ thẻ phải gánh chịu chi phí là hệ quả trực tiếp và cần thiết của việc hủy bỏ, cắt giảm hoặc sắp xếp lại bất kỳ phần nào của kế hoạch ban đầu cho Hành trình của Chủ thẻ do hậu quả trực tiếp của:

- i. the Cardholder sustaining Bodily Injury or suffering Illness;
Chủ thẻ bị thương tật cơ thể hoặc bị bệnh;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 09: CANCELLATION (cont) | MỤC 09: HỦY BỎ HÀNH TRÌNH (tt)

- ii. the death, Bodily Injury or Illness of the Cardholder's Relative;
Tử vong, thương tật cơ thể hoặc bệnh tật của Người thân của Chủ thẻ;
- iii. compulsory quarantine, jury service, subpoena or hijacking involving the Cardholder; or
Dịch vụ kiểm dịch bắt buộc, dịch vụ bồi thẩm đoàn, trát đòi hầu tòa hoặc sự cố cướp máy bay liên quan đến Chủ thẻ
- iv. cancellation or curtailment of scheduled public transport services consequent upon strike, riot or civil commotion, mechanical breakdown or adverse weather conditions, then the Underwriter will be responsible for indemnifying the Cardholder for the unused portion of prepaid travel and accommodation expenses as included in the Journey as per the limits shown in Section 11 of this Certificate.
Hủy bỏ hoặc cắt giảm các dịch vụ giao thông công cộng theo lịch trình do đình công, bạo loạn hoặc bạo động dân sự, hư hỏng về cơ khí hoặc điều kiện thời tiết bất lợi, thì Nhà bảo hiểm sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ thẻ về phần chi phí đi lại và chỗ ở trả trước chưa được sử dụng như được bao gồm trong Hành trình theo các giới hạn được trình bày trong Phần 11 của Giấy chứng nhận này.

Specific Exclusions Applying To Section 09 / Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 09:

9.2 In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover for cancellation:

Ngoài các Loại trừ chung, các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và chi phí liên quan dưới đây được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm vì hủy bỏ:

- i. Costs, which would have still been payable if the event giving rise to the intervention of ISOS, had not occurred;
Các chi phí phải thanh toán vốn dĩ sẽ không phát sinh nếu có sự can thiệp của ISOS;
- ii. Cases of minor Illness or Bodily Injury, which in the opinion of the ISOS Physician can be adequately treated locally, and which do not prevent the Cardholder from continuing their travels or work;
Các trường hợp mắc bệnh hoặc thương tật cơ thể không nghiêm trọng, theo ý kiến của bác sĩ ISOS có thể được điều trị đầy đủ tại địa phương và không ngăn cản Chủ thẻ tiếp tục chuyển đi hoặc công việc của họ;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 09: CANCELLATION | MỤC 09: HỦY BỎ HÀNH TRÌNH

- iii. Expenses incurred where the Cardholder in the opinion of the ISOS Physician is physically able to return to his/her Principal Country of Residence travelling as a normal passenger and without medical escort; and
Các chi phí phát sinh trong trường hợp Chủ thẻ có đủ thể chất để quay về lại Quốc gia cư trú chính của mình như một hành khách bình thường và không có người hộ tống y tế theo ý kiến của Bác sĩ ISOS;
- iv. Death or illness of any pet or animal;
Tử vong hoặc bệnh tật của bất kỳ vật nuôi hoặc động vật;

ABANDONMENT / TỪ BỎ

9.3 Cover is provided for Cardholders who decide to abandon their Journey before they leave their Principal Country of Residence after a delay of more than 24 hours, or if the airline confirms in writing that the flight is cancelled or delayed by more than 24 hours from its original departure time.

Phạm vi bảo hiểm này được áp dụng khi Chủ thẻ quyết định từ bỏ Hành trình do bị trễ chuyến bay quá 24 giờ trước khi rời khỏi Quốc gia cư trú chính, hoặc Chủ thẻ có xác nhận từ hãng hàng không bằng văn bản rằng chuyến bay bị hủy hoặc trì hoãn vượt quá 24 giờ theo lịch khởi hành ban đầu.

Abandonment cover includes the cost of the flights and any associated accommodation expenses as per the limits shown in Section 11 of this Certificate.

Phạm vi từ bỏ bao gồm chi phí của toàn bộ hành trình bay và bất kỳ chi phí chỗ ở liên quan nào theo các giới hạn được trình bày trong Phần 11 của Giấy chứng nhận này.

No cover exists for costs which Cardholders are able to reclaim from their airline or other source.

Không có bảo hiểm nào cho các chi phí mà Chủ thẻ có thể yêu cầu bồi hoàn từ hãng hàng không hoặc nguồn khác của họ.

In all situations Cardholders shall be required to provide evidence of cancelled or delayed flights. If a flight is cancelled, most airlines will offer either a full refund or an alternative flight.

Trong mọi trường hợp, Chủ thẻ phải cung cấp bằng chứng về các chuyến bay bị hủy hoặc hoãn. Nếu một chuyến bay bị hủy, hầu hết các hãng hàng không sẽ cung cấp một khoản hoàn lại đầy đủ hoặc một chuyến bay thay thế.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 10: INCONVENIENCES

MỤC 10: BẤT TIỆN

Travel Delay / Trì hoãn hành trình du lịch

10.1 In the event of / Trong trường hợp:

- i. industrial action; or / tổ chức đình công; hoặc
- ii. adverse weather conditions; or / điều kiện thời tiết bất lợi; hoặc
- iii. mechanical breakdown or derangement of the Cardholder's aircraft or sea vessel; or / sự cố hoặc hư hỏng về cơ khí của máy bay hoặc tàu biển của Chủ thẻ; hoặc
- iv. rearranging airline flights; or / sắp xếp lại chuyến bay của hãng hàng không; hoặc
- v. the grounding of the aircraft on which the Cardholder is due to travel as a result of mechanical or structural defect; or / việc hạ cánh của máy bay mà Chủ thẻ tham gia do lỗi cơ học hoặc cấu trúc; hoặc

which results in the delayed departure of the Cardholder's flight or sailing for at least 4 hours on the outward or return Journey from the time shown in the carrier's travel itinerary as supplied to the Cardholder then

dẫn đến chuyến bay hoặc chuyến tàu khởi hành chậm trễ tối thiểu từ 4 giờ trở lên trên hành trình đi hoặc về so với lịch trình ban đầu của hãng vận chuyển được cung cấp cho Chủ thẻ thì

the Underwriter will arrange a payment to the Cardholder.

Nhà bảo hiểm phải sắp xếp thanh toán cho Chủ thẻ.

- 10.2** The payment to the Cardholder under Section 10.1 is up to the limits as shown in **Section 11** of this Certificate, per hour's delay, up to a maximum of 12 hours, provided always that the Cardholder shall have checked-in according to the itinerary given to him or her by the tour operator or carrier and shall have obtained written confirmation from the airline or shipping line or their handling agents that the flight or sailing was delayed by an event described in this section. Such confirmation must state the actual period of the delay.

Hạn mức thanh toán tối đa cho Chủ thẻ trên mỗi giờ trì hoãn và tối đa là 12 giờ được quy định tại Mục 11 của Giấy chứng nhận này với điều kiện Chủ thẻ phải hoàn tất thủ tục kiểm tra theo hành trình với nhà điều hành tour du lịch hoặc đơn vị vận tải công cộng và nhận được xác nhận bằng văn bản từ hãng hàng không hoặc hãng tàu hoặc đơn vị xử lý liên quan rằng hành trình đi bị trì hoãn bởi một sự kiện được mô tả trong phần này.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 10: INCONVENIENCES (cont)

MỤC 10: BẤT TIỆN (tiếp theo)

10.3 The delay period shall be calculated from the scheduled departure time of the flight or sailing shown in the itinerary.

Thời gian trì hoãn được tính từ thời gian khởi hành dự kiến theo lịch trình chuyến bay hoặc chuyến tàu được thể hiện trong hành trình ban đầu.

Baggage Delay / Trì hoãn kiểm tra hành lý:

10.4 In the event of a Cardholder's Baggage being temporarily lost or misplaced on an outward part of a Journey by the airline, shipping line or their handling agents, the Underwriter will reimburse the Cardholder up to the limits as shown in Section 11 of this Certificate per hour's delay, to a maximum of 12 hours. Written confirmation of such delay must be obtained from the airline, shipping line or their handling agents stating the actual period of the delay.

Trong trường hợp Hành lý của Chủ thẻ tạm thời bị mất hoặc thất lạc trong một chặng của Hành trình của hãng hàng không, hãng vận chuyển hoặc đại lý xử lý của họ, Nhà bảo hiểm phải bồi thường cho Chủ thẻ theo các giới hạn như được nêu ở Mục 11 của Giấy chứng nhận này mỗi giờ chậm trễ, tối đa là 12 giờ. Văn bản xác nhận sự chậm trễ đó phải được cung cấp bởi hãng hàng không, hãng tàu hoặc đại lý xử lý liên quan và ghi rõ thời gian trì hoãn thực tế.

Specific Exclusions Applying To Section 10 / Loại trừ cụ thể áp dụng cho Mục 10:

10.5 In addition to the General Exclusions, the following treatment, items, conditions, activities and their related or consequential expenses are excluded from the cover for inconvenience Benefits:

Ngoài các Loại trừ chung thì sau đây là các điều khoản, mục, điều kiện, hoạt động và các chi phí phát sinh bởi hoặc liên quan hoặc là hệ quả sẽ được loại trừ khỏi phạm vi bảo hiểm sự cố bất tiện trên hành trình:

- i. Payment in respect of the first 4 hours of delay; / Thanh toán liên quan đến 4 giờ chậm trễ đầu tiên;
- ii. Delay resulting from the failure of the Cardholder to provide the necessary correct documentation; / Trì hoãn do Chủ thẻ không cung cấp tài liệu chính xác cần thiết;
- iii. Delay resulting from the failure of the Cardholder to allow reasonable time to reach the point of departure given the circumstances known at the time; / Trì hoãn phát sinh do Chủ thẻ không sắp xếp thời gian hợp lý để đến được điểm khởi hành trong các tình huống đã nhận biết tại thời điểm đó;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 10: INCONVENIENCES (cont)

MỤC 10: BẤT TIỆN (tiếp theo)

- iv. Delay arising as a result of any official Government suspension or cancellation of a service; / Trì hoãn phát sinh do việc đình chỉ hoặc hủy bỏ dịch vụ của Chính phủ;
- v. Active participation in war (whether declared or not), invasion, act of foreign enemy, *Hostilities, civil war, rebellion, riot, revolution or insurrections*; / Chủ động tham gia vào chiến tranh (dù được tuyên bố hay không), xâm lược, hành động của kẻ thù nước ngoài, thù địch, nội chiến, nổi loạn, bạo loạn, cách mạng hay nổi dậy;
- vi. In respect of Baggage delay or loss of documents, loss, temporary loss/misplacement not reported to either the police, airline, shipping line or their handling agent within 24 hours of discovery and a written report obtained; / Đối với trường hợp hành lý chậm trễ hoặc mất tài liệu, mất mát, mất mát tạm thời/thất lạc không được tường trình cho cảnh sát, hãng hàng không, hãng tàu hoặc đại lý xử lý của họ trong vòng 24 giờ sau khi phát hiện và báo cáo bằng văn bản;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 11: SUMMARY OF BENEFITS, LIMITS OF INDEMNITY AND EXCESSES

No	Benefit	Benefit Limit per Cardholder per event	Excess per Cardholder per event
1	Medical and Travel Assistance Services	Included	Not applicable (NA)
2	Personal Accident Common Carrier	VND 11,655,000,000 as equivalent to USD 500,000. For Cardholder and Spouse aged 66 to 80 benefit is limited to VND 5,827,500,000 as equivalent to USD 250,000. For Dependent Children benefit is limited to VND 582,750,000 as equivalent to USD 25,000.	N/A
3	Loss of Baggage	VND 23,310,000 as equivalent to USD 1,000 in respect of any one article. VND 23,310,000 as equivalent to USD 1,000 for each leather item or briefcase. Max VND 23,310,000 as equivalent to USD 1,000 for laptop.	1,165,500 VND (~ 50 USD)
4	Trip Cancellation	VND 5,827,500 (~USD 250)	N/A
5	Travel delay	VND 500,000 (~USD 22) per late hour; max 12 late hours	4 hours
6	Baggage delay	VND 500,000 (~USD 22) per late hour; max 12 late hours	4 hours
<i>Note: The comma (,) used in numbers is referred as a thousand separator.</i>			

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

MỤC 11: TÓM TẮT QUYỀN LỢI, GIỚI HẠN BỒI THƯỜNG VÀ MỨC MIỄN THƯỜNG

Mục	Quyền lợi	Giới hạn quyền lợi cho mỗi Chủ thẻ trong mỗi trường hợp	Mức miễn trừ với mỗi Chủ thẻ theo từng trường hợp
1	Dịch vụ hỗ trợ y tế và du lịch toàn cầu	Có bao gồm.	-
2	Tai nạn cá nhân Hãng vận chuyển công cộng	11.655.000.000 VND (~ USD 500.000) Đối với Chủ thẻ và vợ/chồng từ 66 đến 80 quyền lợi được giới hạn ở mức 5.827.500.000 VND (~ 250.000 USD) Đối với trẻ em phụ thuộc, quyền lợi được giới hạn ở mức 582.750.000 VND (~ 25.000 USD)	Không áp dụng
3	Thất lạc/Mất hành lý	Tối đa 23.310.000 VND (~ 1.000 USD) cho mỗi mặt hàng. Tối đa 23.310.000 VND (~ 1.000 USD) cho mỗi mặt hàng da hoặc cặp xách. Tối đa 23.310.000 VND (~ 1.000 USD) cho máy tính xách tay.	1.140.000 VND (~ 50 USD)
4	Hủy bỏ chuyến đi	5.827.500 VND (~ 250 USD)	Không áp dụng
5	Trì hoãn chuyến đi	500.000 VND (~ 22USD) mỗi giờ chậm trễ; tối đa 12 giờ chậm trễ	4 giờ
6	Trì hoãn hành lý hoặc Hành lý đến chậm	500.000 VND (~ 22 USD) mỗi giờ chậm trễ; tối đa 12 giờ chậm trễ	4 giờ

(Các dấu chấm (.) được sử dụng ở số tiền bảo hiểm theo Bảng Quyền lợi này là dấu phân cách hàng nghìn.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 11: SUMMARY OF BENEFITS, LIMITS OF INDEMNITY AND EXCESSES (cont)

MỤC 11: TÓM TẮT QUYỀN LỢI, GIỚI HẠN BỒI THƯỜNG & MỨC MIỄN THUỜ

Bảng Quyền Lợi / Table of Benefits	Số Tiền Bảo Hiểm / Coverage Amount
Tai nạn Cá nhân trong Chuyến đi/ Travel Trip Personal Accident Loss of:	
Chết/ Death	11.655.000.000 VND (tương đương USD 500.000)
Thương tật vĩnh viễn Permanent total disability	11.655.000.000 VND (tương đương USD 500.000)
Liệt toàn bộ các chi Total paralysis of limbs	11.655.000.000 VND (tương đương USD 500.000)
Mất thị lực cả hai mắt Total and irrecoverable loss of sight of both eyes	11.655.000.000 VND (tương đương USD 500.000)
Mất cả hai bàn tay hoặc cả hai bàn chân / Loss of two limbs or total and irrecoverable loss of the use of two limbs	11.655.000.000 VND (tương đương USD 500.000)
Mất khả năng nghe và nói / Total and irrecoverable loss of speech and hearing (both ears)	11.655.000.000 VND (tương đương USD 500.000)
Mất toàn bộ thính giác (cả hai tai) / Total and irrecoverable loss of hearing (both ears)	8.741.250.000 VND (tương đương USD 275.000)
Mất toàn bộ và không thể phục hồi khả năng nhìn ở một mắt / Total and irrecoverable loss of sight of one eye	6.410.250.000 VND (tương đương 255.000 USD)
Mất một chi hoặc tàn tật toàn bộ và không thể phục hồi một chi / Loss of one limb or total and irrecoverable loss of the use of one limb	5.827.500.000 VND (tương đương USD 250.000)
Mất toàn bộ và không thể phục hồi thính giác (một tai) Total and irrecoverable loss of hearing (one ear)	1.748.250.000 VND (tương đương USD 75.000)

Ghi chú:

Đơn vị tính: USD (theo tỉ giá hiện tại của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) / Unit: USD (according to current exchange rate of Vietcombank)

(Các dấu chấm (.) được sử dụng ở số tiền bảo hiểm theo Bảng Quyền lợi này là dấu phân cách hàng nghìn.

Áp dụng trong trường hợp được phép nhận bồi thường bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật Việt Nam

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 12: GENERAL POLICY CONDITIONS

MỤC 12: QUY ĐỊNH CHUNG:

12.1 The Cardholder must take reasonable care to prevent loss, damage, Accident, Bodily Injury or Illness, and to protect, save and/or recover personal property.

Chủ thẻ phải có sự cẩn trọng hợp lý nhằm ngăn ngừa mất mát, hư hỏng, tai nạn, thương tật cơ thể hoặc bệnh tật, và nhằm bảo vệ, tiết kiệm và/hoặc phục hồi tài sản cá nhân.

12.2 ISOS shall use its best endeavours to provide the Benefits and Services described in this Certificate but any help and intervention depends upon, and is subject to local availability and has to remain within the scope of national and international law and regulations and intervention depends on ISOS obtaining the necessary authorisations issued by the various authorities concerned. ISOS shall not be required to provide Benefits and Services to the Cardholders, who in the sole opinion of ISOS are located in areas which represent war risks, political or other conditions such as to make such Services impossible or reasonably impracticable.

ISOS sẽ nỗ lực tốt nhất để cung cấp các quyền lợi và dịch vụ được mô tả trong Giấy chứng nhận này nhưng mọi trợ giúp và can thiệp tùy thuộc vào tính khả thi tại địa phương và phải tuân thủ luật pháp và quy định quốc gia và quốc tế và sự can thiệp phụ thuộc vào ISOS có được các ủy quyền cần thiết được cấp phát bởi các cơ quan chức năng khác nhau. ISOS sẽ không được yêu cầu cung cấp các quyền lợi và dịch vụ cho Chủ thẻ, những người theo quan điểm riêng của ISOS tại các khu vực đại diện cho rủi ro chiến tranh, chính trị hoặc các điều kiện khác khiến cho việc thực hiện các Dịch vụ đó là không thể hoặc không hợp lý.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 12: GENERAL POLICY CONDITIONS

MỤC 12: QUY ĐỊNH CHUNG

12.3 Written notice of any Accident, proceedings or any other event which may give rise to a claim shall be given to the Underwriter within 30 days of the occurrence or as soon as reasonably practicable. All certificates, information, consents and evidence required by the Underwriter shall be provided at the expense of the Client or Cardholder or their legal representative. A claim form must be completed by the Cardholder and submitted to the Underwriter within 90 days of expenditure being incurred. This time limit may be extended subject to the prior approval of the Underwriter where supporting accounts are not available in time. All documents submitted in respect of expenditure incurred must be originals and not photocopies.

Thông báo bằng văn bản về bất kỳ Tai nạn, thủ tục tố tụng hoặc bất kỳ sự kiện nào khác có thể dẫn tới yêu cầu bồi thường sẽ được chuyển đến Nhà bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra hoặc ngay khi có thể thực hiện hợp lý. Tất cả các chứng chỉ, thông tin, sự đồng ý và bằng chứng theo yêu cầu của Nhà bảo hiểm phải được cung cấp bằng chi phí của Khách hàng hoặc Chủ thẻ hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Yêu cầu bồi thường phải được Chủ thẻ điền đầy đủ và nộp cho Nhà bảo hiểm trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh chi phí. Thời hạn này có thể được kéo dài với sự chấp thuận trước của Nhà bảo hiểm khi tài khoản hỗ trợ không có sẵn kịp thời. Tất cả các tài liệu được nộp liên quan đến chi phí phát sinh phải là bản chính và không phải là bản sao.

12.4 If fraudulent means or devices are used by the Cardholder and/or anyone acting on his/her behalf, to obtain any Benefits or Services provided under this Certificate, any and all rights in respect of the concerned Cardholder in terms of this Certificate shall be forfeited immediately.

Nếu Chủ thẻ hoặc / hoặc bất kỳ ai đại diện cho Chủ thẻ thực hiện bất kỳ phương thức gian lận nào để nhận bất kỳ Quyền lợi hoặc Dịch vụ được cung cấp theo Giấy chứng nhận này thì bất kỳ và tất cả các quyền liên quan đến Chủ thẻ theo Giấy chứng nhận này sẽ bị mất ngay lập tức.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 12: GENERAL POLICY CONDITIONS (cont)

MỤC 12: QUY ĐỊNH CHUNG (tiếp theo)

- 12.5** If the Benefits and Services of this Certificate are covered in whole or in part by any other insurance policy and/or other source, the Cardholder shall only be entitled to claim those costs, which cannot be recovered by the Cardholder from such other policy (s)/ sources.

Nếu các Quyền lợi và Dịch vụ của Giấy chứng nhận này được bao trả toàn bộ hoặc một phần bởi bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào khác và/hoặc nguồn khác, Chủ thẻ chỉ được quyền yêu cầu bồi thường các khoản chi phí mà Chủ thẻ không thể thu hồi được từ các hợp đồng bảo hiểm/nguồn khác.

- 12.6** Any portion of a Cardholder's travel ticket, which is unused following the provision of evacuation /repatriation Services or cancellation Benefits, is to be surrendered to the Underwriter.

Bất kỳ phần nào của vé du lịch của Chủ thẻ, không được sử dụng sau khi cung cấp Dịch vụ sơ tán/hồi hương hoặc Quyền lợi hủy bỏ, sẽ được nộp lại cho người bảo hiểm.

- 12.7** The Underwriter may at any time and at their own expense and without prejudice to this Certificate take proceedings in the name of the Cardholder to obtain compensation or secure an indemnity from any third party in respect of any loss or Bodily Injury giving rise to the provision of Benefits and Services.

Vào bất cứ lúc nào, với Nhà bảo hiểm, bằng chi phí của mình và không ảnh hưởng đến Giấy chứng nhận này, phải tiến hành bồi thường hoặc bảo đảm bồi thường cho bất kỳ bên thứ ba nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc Thương tật cơ thể nào phát sinh việc cung cấp các Quyền lợi và Dịch vụ.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục)

This Certificate does not cover / Giấy chứng nhận này không bao gồm:

- 13.1** Expenses, which are more specifically covered by or recoverable from any other insurance policy or national insurance programme under which the Cardholder is covered;

Các chi phí được chi trả cụ thể hơn hoặc có thể thu hồi từ bất kỳ hợp đồng bảo hiểm hoặc chương trình bảo hiểm quốc gia nào khác mà Chủ thẻ được bảo hiểm;

- 13.2** Expenses incurred as a result of claims for events occurring after the Journey;

Các chi phí phát sinh từ việc yêu cầu bồi thường đối với các sự kiện xảy ra sau Hành trình;

- 13.3** The provision of services where a Cardholder is over 80 years of age at the Effective Date of the Agreement or any subsequent Journey;

Việc cung cấp các dịch vụ mà Chủ thẻ trên 80 tuổi vào Ngày có hiệu lực của Hợp đồng hoặc bất kỳ Hành trình nào tiếp theo;

- 13.4** Any pre-existing defect, infirmity or condition for which the Cardholder is receiving medical treatment, advice or consultation at the time of travelling or at the time of arranging travel;

Bất kỳ thương tật, khuyết tật hoặc điều kiện nào tồn tại trước đó mà Chủ thẻ đang nhận được sự điều trị, tư vấn hoặc tư vấn y tế tại thời điểm đi du lịch hoặc tại thời điểm sắp xếp việc đi lại;

- 13.5** Any Journey booked or undertaken against medical advice;

Bất kỳ Hành trình nào được đặt hoặc thực hiện trái với tư vấn, khuyến cáo y tế;

- 13.6** Situations where a Journey was specifically undertaken with the intention of obtaining medical treatment;

Các tình huống mà Hành trình được thực hiện cụ thể với mục đích được điều trị y tế;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

- 13.7** Situations where a Journey was booked after receipt of a terminal prognosis to the Cardholder or Relative;
Các tình huống mà Hành trình đã được đặt sau khi nhận được một tiên lượng cuối cho Chủ thẻ hoặc Người thân;
- 13.8** Expenses related to psychiatric disorders infirmities or conditions for which treatment has previously been received;
Các chi phí liên quan đến các rối loạn tâm thần hoặc các điều kiện được điều trị trước đó;
- 13.9** Expenses related to pregnancy, unless unexpected complications arise, and in no circumstances where the pregnancy has entered the 7th month at the start of a Journey;
Các chi phí liên quan đến thai kỳ, trừ khi các biến chứng bất ngờ phát sinh và trong mọi trường hợp, thai kỳ đã bước vào tháng thứ 7 khi bắt đầu Hành trình;
- 13.10** Situations arising from or in any way connected with a wilfully self inflicted Bodily Injury or Illness, insanity, alcohol, drug or substance abuse or self exposure to needless peril (except in an attempt to save human life) including suicide;
Các tình huống phát sinh từ hoặc theo bất kỳ cách nào liên quan đến việc tự gây Thương tật cơ thể hoặc Bệnh tật, tâm thần, rượu, ma túy hoặc lạm dụng được chất hoặc tự tiếp xúc với những nguy hiểm không cần thiết bao gồm tự tử (ngoại trừ nỗ lực cứu sống nhân mạng);
- 13.11** Claims resulting from the failure of the Cardholder to exercise all reasonable care to protect themselves and their property;
Các yêu cầu bồi thường phát sinh bởi Chủ thẻ không thực hiện tất cả các bước hợp lý để bảo vệ bản thân và tài sản của họ;
- 13.12** The commission of/or the attempt to commit, an unlawful act;
Ủy nhiệm hoặc nỗ lực thực hiện một hành vi bất hợp pháp;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

13.13 Any expense, regardless of any contributory cause(s), involving the use of or release or the threat thereof of any nuclear weapon or device or chemical or biological agent, including but not limited to expenses in any way caused or contributed to by an Act of Terrorism or war;

Bất kỳ chi phí nào, bất kể nguyên nhân nào liên quan đến việc sử dụng hoặc giải phóng hoặc đe dọa bất kỳ bằng vũ khí hạt nhân hoặc thiết bị hoặc chất hóa học hoặc sinh học nào, bao gồm nhưng không hạn chế ở chi phí hành động khủng bố hay chiến tranh;

13.14 RADIOACTIVE CONTAMINATION EXCLUSION - This Insurance does not cover any expense which is a direct result of nuclear reaction or radiation.

LOẠI TRỪ Ô NHIỄM PHÓNG XẠ - Bảo hiểm này không bao gồm bất kỳ chi phí nào là hệ quả trực tiếp của phản ứng hạt nhân hoặc phóng xạ;

- i. loss or destruction of, or damage to, any property whatsoever or any loss or expense whatsoever resulting or arising therefrom or any consequential loss / *mất mát hoặc phá hủy, hoặc hư hỏng bất kỳ tài sản nào hoặc bất kỳ tổn thất hoặc chi phí nào phát sinh bởi hoặc bất kỳ tổn thất gián tiếp nào.*
- ii. any legal liability of whatsoever nature directly or indirectly caused by or contributed to by or arising from / *bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào về bản chất trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi hoặc đóng góp bởi hoặc phát sinh từ*
 - a. ionizing radiations or contaminations by radioactivity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from the combustion of nuclear fuel / *bức xạ ion hóa hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào từ quá trình đốt nhiên liệu hạt nhân*
 - b. ionizing radiations or contaminations by radioactivity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from the combustion of nuclear fuel / *bức xạ ion hóa hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào từ quá trình đốt nhiên liệu hạt nhân.*

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

- a. ionizing radiations or contaminations by radioactivity from any nuclear fuel or from any nuclear waste from the combustion of nuclear fuel / *bức xạ ion hóa hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào từ quá trình đốt nhiên liệu hạt nhân*
- b. the radioactive, toxic, explosive or other hazardous properties of any explosive nuclear assembly or nuclear component thereof / *các tính chất phóng xạ, độc hại, nổ hoặc các nguy hại khác của bất kỳ bộ phận hạt nhân nổ hoặc thành phần hạt nhân nào có liên quan*
- c. nuclear reaction, nuclear radiation or radioactive contamination / *phản ứng hạt nhân, bức xạ hạt nhân hoặc ô nhiễm phóng xạ*

13.15 WAR AND TERRORISM EXCLUSION ENDORSEMENT

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ LOẠI TRỪ CHIẾN TRANH VÀ KHỦNG BỐ

Notwithstanding any provision to the contrary within this insurance or any endorsement thereto it is agreed that this insurance excludes loss, damage, cost or expense of whatsoever nature directly or indirectly caused by, resulting from or in connection with any of the following regardless of any other cause or event contributing concurrently or in any other sequence to the loss;

Cho dù bất kỳ điều khoản nào trái ngược với Đơn bảo hiểm này hoặc bất kỳ Phụ lục bổ sung, các bên đồng ý bảo hiểm không bao gồm tổn thất, thiệt hại, chi phí hoặc phí tổn thuộc bất kỳ bản chất trực tiếp hoặc gián tiếp nào gây ra, dẫn tới hoặc liên quan đến bất kỳ trường hợp nào sau đây bất kể nguyên nhân hoặc sự kiện đóng góp đồng thời hoặc theo bất kỳ trình tự nào khác vào tổn thất;

- i. war, invasion, acts of foreign enemies, hostilities or warlike operations (whether war be declared or not), civil war, rebellion, revolution, insurrection, civil commotion assuming the proportions of or amounting to an uprising, military or usurped power; or

chiến tranh, xâm lược, hành vi của kẻ thù nước ngoài, thù địch, chiến tranh (dù chiến tranh được tuyên bố hay không), nội chiến, nổi dậy, cách mạng, nổi loạn, hoạt động quân sự, đảo chính; hoặc

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

13.15 WAR AND TERRORISM EXCLUSION ENDORSEMENT (cont)

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ LOẠI TRỪ CHIẾN TRANH VÀ KHỦNG BỐ (tt)

- i. war, invasion, acts of foreign enemies, hostilities or warlike operations (whether war be declared or not), civil war, rebellion, revolution, insurrection, civil commotion assuming the proportions of or amounting to an uprising, military or usurped power; or
chiến tranh, xâm lược, hành vi của kẻ thù nước ngoài, thù địch, chiến tranh (dù chiến tranh được tuyên bố hay không), nội chiến, nổi dậy, cách mạng, nổi loạn, hoạt động quân sự, đảo chính; hoặc
- ii. any act of terrorism; / bất kỳ hành động khủng bố nào;
For the purpose of this endorsement an act of terrorism means an act, including but not limited to the use of force or violence and/or the threat thereof, of any person or group(s) of persons, whether acting alone or on behalf of or in connection with any organisation(s) or government(s), committed for political, religious, ideological or similar purposes including the intention to influence any government and/or to put the public, or any section of the public, in fear.
Hành vi khủng bố, theo điều khoản này, là hành động, bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng vũ lực hoặc bạo lực và/hoặc đe dọa của bất kỳ người hoặc nhóm người nào, cho dù hành động một mình hoặc thay mặt hoặc liên quan đến bất kỳ tổ chức nào hoặc chính phủ, cam kết vì mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc tương tự bao gồm ý định gây ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ và/hoặc khiến công chúng, hoặc bất kỳ thành phần nào của công chúng sợ hãi.
- iii. nuclear reaction, nuclear radiation or radioactive contamination / phản ứng hạt nhân, bức xạ hạt nhân hoặc ô nhiễm phóng xạ

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) – (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) – (tiếp theo)

This endorsement also excludes loss, damage, cost or expense of whatsoever nature directly or indirectly caused by, resulting from or in connection with any action taken in controlling, preventing, suppressing or in any way relating to 1 and/or 2 above.

Giấy chứng nhận này cũng loại trừ tổn thất, thiệt hại, chi phí hoặc phí tổn thuộc bất kỳ bản chất nào trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra, dẫn tới hoặc liên quan đến bất kỳ hành động nào được thực hiện nhằm việc kiểm soát, ngăn ngừa, ngăn chặn hoặc bằng bất kỳ cách nào liên quan đến mục 13.15 (i) và/hoặc (ii) ở trên.

If the Underwriter allege that by the reason of this exclusion, any loss, damage, cost or expense is not covered by this insurance with appropriate documentary evidence, the burden of proving the contrary shall be upon the Assured.

Nếu Nhà bảo hiểm cáo buộc rằng do lý do loại trừ này, bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí hoặc phí tổn nào không được bảo hiểm này chi trả cùng với các tài liệu chứng minh phù hợp, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ chứng minh điều ngược lại.

In the event any portion of this endorsement is found to be invalid or unenforceable, the remainder shall remain in full force and effect.

Trong trường hợp bất kỳ phần nào của xác nhận này được phát hiện là không hợp lệ hoặc không thể thi hành, phần còn lại sẽ vẫn có hiệu lực thi hành đầy đủ.

13.16 Consequential loss other than stated as being specifically covered;

Mất mát do hậu quả không thuộc phạm vi bảo hiểm được quy định cụ thể;

13.17 Services provided by any Party other than ISOS for which no charge would be made if this certificate were not in place;

Các dịch vụ được cung cấp bởi bất kỳ Bên nào khác ngoài ISOS mà sẽ không bị tính phí nếu Giấy chứng nhận này không quy định;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) – (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) – (tiếp theo)

- 13.18** Claims notified more than **90** days after the date of loss;
Các yêu cầu bồi thường được thông báo sau hơn 90 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất;
- 13.19** The Cardholder exercising any form of hazardous work in connection with any business, trade or profession;
Chủ thẻ thực hiện bất kỳ loại hình công việc nguy hiểm nào liên quan đến bất kỳ hoạt động kinh doanh, thương mại hoặc nghề nghiệp nào;
- 13.20** The Cardholder engaging in any form of aerial flight except as a fare-paying passenger on a regular scheduled airline or licensed charter aircraft over an established route;
Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ hình thức nào của chuyến bay trên không, ngoại trừ một hành khách trả tiền vé trên một hãng hàng không bay theo lịch trình thường xuyên hoặc máy bay được cấp phép được trên một tuyến đường đã được thiết lập;
- 13.21** Any expense related to accident or injury occurring while the Cardholder is engaged in any hazardous activity, pastime or pursuit, caving, mountaineering or rock climbing necessitating the use of guides or ropes, potholing, skydiving, parachuting, bungee-jumping, ballooning, hang-gliding, deep sea diving utilizing hard helmet with air hose attachments, martial arts, rallying, racing of any kind other than on foot, and any organized sports undertaken on a professional or sponsored basis;
Bất kỳ chi phí nào liên quan đến tai nạn hoặc thương tích xảy ra trong khi Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ hoạt động nguy hiểm, trò tiêu khiển hoặc theo đuổi, thám hiểm hang động, leo núi đòi hỏi việc sử dụng hướng dẫn hoặc dây thừng, khám phá các hốc sâu trong đá và hang động, nhảy dù, nhảy bungee, lặn biển sâu sử dụng mũ bảo hiểm cứng với ống thông khí, võ thuật, đánh trả qua lại, đua dưới bất kỳ hình thức nào mà không phải là đi bộ, và bất kỳ môn thể thao có tổ chức thực hiện trên cơ sở chuyên nghiệp hoặc tài trợ;

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) – (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) – (tiếp theo)

13.22 The Cardholder engaging in any winter sports;

Chủ thẻ tham gia vào bất kỳ môn thể thao mùa đông nào;

13.23 The Cardholder engaging in active service in the armed forces of any nation;

Chủ thẻ chủ động tham gia hoạt động lực lượng vũ trang của bất kỳ quốc gia nào;

13.24 The Cardholder engaging in active participation in war (whether declared or not), invasion, act of foreign enemy, hostilities, civil war, rebellion, riot, revolution or insurrections; and

Chủ thẻ chủ động tham gia chiến tranh (dù được tuyên bố hay không), xâm lược, hành động của kẻ thù nước ngoài, thù địch, nội chiến, nổi loạn, bạo loạn, cách mạng hay nổi dậy; và

13.25 Any Bodily Injury, Illness, death, loss, expenses or any other liability attributable to HIV (Human Immunodeficiency Virus) or AIDS (Acquired Immune Deficiency Syndrome) or any similar syndrome whatever it is called unless contracted during a medical investigation, test or course of treatment (unless related to drug abuse or sexually transmitted diseases).

Bất kỳ thương tật cơ thể, bệnh tật, tử vong, mất mát, chi phí hoặc bất kỳ trách nhiệm nào khác liên quan đến HIV (Virus suy giảm miễn dịch ở người) hoặc AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải) hoặc bất kỳ hội chứng tương tự nào với bất kỳ tên gọi nào trừ khi bị nhiễm trong quá trình khám, xét nghiệm hoặc điều trị y khoa (trừ khi có liên quan đến lạm dụng thuốc hoặc các bệnh lây truyền qua đường tình dục).

13.26 FINANCIAL GUARANTEE EXCLUSION CLAUSE / This policy does not cover any form of Financial Guarantee, Surety or Credit Indemnity.

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VỀ BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH - Hợp đồng bảo hiểm này không bao gồm bất kỳ hình thức bảo lãnh tài chính, bảo lãnh hoặc bồi hoàn tín dụng nào.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

13.27 WAR AND TERRORISM CLAUSE | ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾN TRANH VÀ KHỦNG BỐ

It is hereby noted and agreed that Exclusion **13.15** is deleted. / Các bên xin ghi nhận và đồng ý rằng Điều khoản loại trừ **13.15** sẽ bị xóa.

Furthermore / Ngoài ra,

Notwithstanding any provision to the contrary within this insurance, or any endorsement thereto, it is agreed that this insurance covers bodily injury directly or indirectly caused by, resulting from, or in connection with any of the following:

Cho dù bất kỳ điều khoản nào trái ngược với giấy chứng nhận bảo hiểm này, hoặc bất kỳ sự xác nhận nào, các bên đồng ý rằng giấy chứng nhận bảo hiểm này bảo hiểm cho thương tật cơ thể trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi, vì lý do, hoặc có liên quan đến bất kỳ điều nào sau đây:

- i. War, hostilities or warlike operations (whether war be declared or not), / Chiến tranh, thù địch hoặc các hoạt động chiến tranh (dù chiến tranh có được tuyên bố hay không),
- ii. Invasion, / Xâm chiếm,
- iii. Act of an enemy foreign to the nationality of the insured person or the country in, or over, which the act occurs, / Hành động của kẻ thù ở nước ngoài đối với quốc tịch của người được bảo hiểm hoặc của đất nước ở đó xảy ra hành động,
- iv. Civil war, / Nội chiến,
- v. Riot, / Bạo loạn,
- vi. Rebellion, / Nổi loạn,
- vii. Insurrection, / Nổi dậy,
- viii. Revolution, / Cách mạng,
- ix. Overthrow of the legally constituted government, / Lật đổ chính phủ được thành lập hợp pháp,
- x. Civil commotion assuming the proportions of, or amounting to, an uprising, / Xáo động trong nhân dân dẫn tới một phần hoặc gây ra một cuộc nổi dậy,
- xi. Military or usurped power, / Hành động quân sự hoặc đảo chính,
- xii. Explosions of war weapons, / Nổ vũ khí chiến tranh,

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

13.27 WAR AND TERRORISM CLAUSE (Cont) | ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾN TRANH VÀ KHỦNG BỐ (tiếp theo)

vii. Murder or assault subsequently proved beyond reasonable doubt to have been the act of agents of a state foreign to the nationality of the insured person whether war be declared with that state or not, / *Giết người hoặc hành hung được chứng tỏ không có nghi ngờ là hành động của các đơn vị của một quốc gia nước ngoài với quốc tịch của người được bảo hiểm dù chiến tranh có được tuyên bố với nhà nước đó hay không,*

viii. Terrorist Activity. / *Hoạt động khủng bố.*

always provided / *miễn là:*

That the Insured person(s) are not actively participating in any, or all, of (i) to (xiv) above, and

Người được bảo hiểm không chủ động tham gia vào bất kỳ hoặc tất cả các hành động, từ mục (i) đến (xiv) ở trên và

That none of (i) to (xiv) above are the result of the utilisation of Nuclear, Chemical or Biological weapons of mass destruction howsoever these may be distributed or combined and,

Không mục nào trong số các mục từ (i) đến (xiv) ở trên là kết quả của việc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học để hủy diệt hàng loạt bất cứ thứ gì có thể được phân phối hoặc kết hợp và,

That this insurance is subject to the terms and conditions of the Limited War Exclusion Clause, NMA 2582B in Clause **13.28** to this Certificate

*Bảo hiểm này tuân theo các điều khoản và điều kiện của Điều khoản loại trừ chiến tranh giới hạn, NMA 2582B (như đã đính kèm) được quy định tại Khoản **13.28** của Giấy chứng nhận này.*

For the purpose of this extension / *Với mục đích của phần mở rộng này;*

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

13.27 WAR AND TERRORISM CLAUSE (Cont) | ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾN TRANH VÀ KHỦNG BỐ (tiếp theo)

Terrorist Activity means an act, including but not limited to the use of force or violence and/or the threat thereof, of any person or group(s) of persons, whether acting alone or on behalf of or in connection with any organisation(s) or government(s), committed for political, religious, ideological or ethnic purposes or reasons including the intention to influence any government and/or to put the public, or any section of the public, in fear.

Hành động khủng bố là hành động, bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng vũ lực hoặc bạo lực và/hoặc đe dọa của bất kỳ người hoặc nhóm người nào, cho dù hành động một mình hoặc thay mặt hoặc liên quan đến bất kỳ tổ chức nào (hoặc chính phủ, cam kết vì mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc tương tự bao gồm ý định gây ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ và/hoặc khiến công chúng, hoặc bất kỳ thành phần nào của công chúng sợ hãi.

Utilisation of Nuclear weapons of mass destruction means the use of any explosive nuclear weapon or device or emission, discharge, dispersal, release or escape of fissile material emitting a level of radioactivity capable of causing incapacitating disablement or death amongst people or animals.

Việc sử dụng vũ khí hạt nhân hủy diệt hàng loạt có nghĩa là sử dụng vũ khí hoặc thiết bị nổ hạt nhân hoặc phát thải, xả, phân tán, giải phóng hoặc giải thoát vật liệu phân hạch phát ra mức phóng xạ có khả năng gây vô hiệu hóa hoặc tử vong ở người hoặc động vật.

Utilisation of Chemical weapons of mass destruction means the emission, discharge, dispersal, release or escape of any solid, liquid or gaseous chemical compound which, when suitable distributed, is capable of causing incapacitating disablement or death amongst people or animals.

Việc sử dụng vũ khí hóa học hủy diệt hàng loạt có nghĩa là phát xạ, xả, phân tán, giải phóng hoặc thoát khỏi bất kỳ hợp chất hóa học rắn, lỏng hoặc khí nào, khi phân phối phù hợp, có khả năng gây thương tật hoặc chết người hoặc động vật.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

13.27 WAR AND TERRORISM CLAUSE (Cont) | ĐIỀU KHOẢN VỀ CHIẾN TRANH VÀ KHỦNG BỐ (tiếp theo)

Utilisation of Biological weapons of mass destruction means the emission, discharge, dispersal, release or escape of any pathogenic (disease producing) micro-organism(s) and / or biologically produced toxin(s) (including genetically modified organisms and chemically synthesised toxins) which are capable of causing incapacitating disablement or death amongst people or animals.

Sử dụng vũ khí sinh học hủy diệt hàng loạt có nghĩa là phát xạ, phóng thích, phân tán, giải phóng hoặc thoát khỏi bất kỳ vi sinh vật gây bệnh (hoặc sinh sản gây bệnh) và/hoặc độc tố sinh học (bao gồm sinh vật biến đổi gen và độc tố tổng hợp về mặt hóa học) có khả năng gây ra thương tật hoặc tử vong ở người hoặc động vật.

If the Underwriter allege that, with appropriate documentary evidence, by reason of this definition any claim is not covered by this insurance the burden of proving the contrary shall be upon the Insured.

Nếu các Nhà bảo hiểm cho rằng, cùng với những tài liệu chứng minh phù hợp, bởi lý do của định nghĩa này, bất kỳ yêu cầu bồi thường nào không được bảo hiểm này chi trả, Người được bảo hiểm có nghĩa vụ chứng minh điều ngược lại.

13.28 LIMITED WAR EXCLUSION CLAUSE - NMA2582 | ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ GIỚI HẠN CHIẾN TRANH - NMA2582B

Notwithstanding anything to the contrary contained herein, this Insurance does not cover loss consequent on:

Cho dù bất kỳ điều gì trái ngược trong tài liệu này, Bảo hiểm này không bao gồm các mất mát do:

- a. war, whether declared or not, between any of the following countries, namely, China, France, the United Kingdom, the Russian Federation and the United States of America, or
chiến tranh, dù được tuyên bố hay không, giữa bất kỳ quốc gia nào sau đây, cụ thể là Trung Quốc, Pháp, Vương quốc Anh, Liên bang Nga và Hoa Kỳ, hoặc

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 13: GENERAL EXCLUSIONS (applying to all sections) - (cont)

MỤC 13: CÁC LOẠI TRỪ CHUNG (áp dụng đối với tất cả các mục) - (tiếp theo)

13.28 LIMITED WAR EXCLUSION CLAUSE - NMA2582 (cont) | ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ GIỚI HẠN CHIẾN TRANH - NMA2582B (tiếp theo)

- b. war in Europe, whether declared or not, other than:
chiến tranh ở châu Âu, dù được tuyên bố hay không, ngoài:
 - i. civil war / nội chiến,
 - ii. any enforcement action by or on behalf of the United Nations, in which any of the countries stated in (a) above or any armed forces thereof are engaged.
Bất kỳ hành động thực thi nào hoặc thay mặt Liên Hiệp Quốc, trong đó bất kỳ quốc gia nào nêu tại (a) trên hoặc bất kỳ lực lượng vũ trang nào được tham gia.

13.29 CORONAVIRUS EXCLUSION/ LOẠI TRỪ CORONAVIRUS

Notwithstanding any provision to the contrary, this policy excludes losses:/ Mặc dù có bất kỳ điều khoản nào ngược lại, điều khoản này không bao gồm tổn thất bởi:

- i. directly or indirectly arising from any fear or threat (whether actual or perceived) of Novel Coronavirus (2019-nCoV) or any mutant variation thereof; / trực tiếp hoặc gián tiếp phát sinh từ nỗi sợ hãi hoặc mối đe dọa (dù thực tế hay được cảm nhận) về Novel Coronavirus (2019-nCoV) hoặc bất kỳ biến thể đột biến nào của chúng;
- ii. directly or indirectly caused by, resulting from or in connection with any action taken in controlling, preventing, suppressing or in any way relating to any outbreak of Novel Coronavirus (2019-nCoV) or any mutant variation thereof; / trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi, hậu quả hoặc liên quan đến bất kỳ hành động nào được thực hiện trong việc kiểm soát, ngăn chặn hoặc bất kỳ cách nào để chống lại sự bùng phát của Novel Coronavirus (2019-nCoV) hoặc bất kỳ biến thể đột biến nào của chúng.

- i. directly or indirectly caused by the imposition of quarantine or restriction in movement of people or animals by any national or international body or agency pertaining to any outbreak of Novel Coronavirus (2019-nCoV) or any mutant variation thereof; / trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi việc áp dụng kiểm dịch hoặc hạn chế di chuyển người hoặc động vật bởi bất kỳ cơ quan hoặc cơ quan quốc gia hoặc quốc tế nào liên quan đến bùng phát nào của Novel Coronavirus (2019-nCoV) hoặc bất kỳ biến thể đột biến nào của chúng;
- ii. directly or indirectly caused by any travel advisory or warning being issued by a national or international body or agency pertaining to any outbreak of Novel Coronavirus (2019-nCoV) or any mutant variation thereof and in respect of (ii) to (iv) any fear or threat thereof (whether actual or perceived) / Trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi lời khuyên hoặc cảnh báo du lịch nào của một cơ quan hoặc cơ quan quốc gia, quốc tế về sự bùng phát của Novel Coronavirus (2019-nCoV) hoặc bất kỳ biến thể đột biến nào của chúng, hoặc về mục (ii) (iv) hoặc về nỗi sợ hãi hay mối đe dọa (cho dù thực tế hay nhận thức).

SECTION 14: REQUESTING EMERGENCY OR TRAVEL ASSISTANCE

MỤC 14: YÊU CẦU KHẨN CẤP HOẶC HỖ TRỢ DI CHUYỂN

Emergency Medical and Travel assistance services are available 24 hours a day from International SOS.

Các dịch vụ Hỗ trợ Y tế và Di chuyển khẩn cấp luôn có sẵn 24/24 từ ISOS.

In the event that Cardholder requires these services, please call **(84.8)38.275 328**.

*Trường hợp Chủ thẻ yêu cầu các dịch vụ này, vui lòng gọi **(84.28)38.275 328**.*

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 15: HOW TO MAKE A CLAIM

MỤC 15: THỦ TỤC YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

- 15.1** All claim forms are attached to this Certificate for using in the event of an event occurring that may give rise to a claim under this Certificate. In case there is any change in claim forms, PVI insurance shall immediately provide updated form(s) to Client.

Tất cả các mẫu yêu cầu bồi thường thiệt hại sẽ được đính kèm theo Giấy chứng nhận này để sử dụng khi xảy ra sự kiện có thể dẫn đến yêu cầu bồi thường theo Giấy chứng nhận này. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào trong mẫu yêu cầu bồi thường, Bảo hiểm PVI phải ngay lập tức cung cấp cho Khách hàng.

- 15.2** The Cardholder will complete the claim form, attach all requested documents as detailed in Section 16 hereunder and send them to the nearest PVI Insurance office (address below).

Chủ thẻ phải điền đầy đủ thông tin vào mẫu đơn yêu cầu, đính kèm tất cả các tài liệu được yêu cầu theo quy định tại Điều 16 bên dưới và gửi đến văn phòng Bảo hiểm PVI gần nhất (địa chỉ bên dưới).

- 15.3** Immediately after the incident leading up to the claim, within 30 days, the written notice must be sent to:

Ngay sau khi sự cố dẫn đến yêu cầu bồi thường, trong vòng 30 ngày, thông báo bằng văn bản phải được gửi đến:

- Ban Bảo hiểm Liên kết- Tổng Công Ty Bảo hiểm PVI
- Address / Địa chỉ: Tầng 23 Tòa Nhà PVI Tower, Số 01 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Tel: +84 4 3733 5588
- Fax: +84 4 3733 6284
- Hotline Call Center / Tổng đài: **02473 008 006**

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 16: CLAIM DOCUMENTS

MỤC 16: CHỨNG TỪ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

Yêu cầu chứng từ đối với người thụ hưởng quyền lợi

Tất cả các trường hợp khiếu nại bảo hiểm du lịch

- Bản sao hộ chiếu và chứng minh nhân dân.
- Đơn ‘**Khiếu nại bảo hiểm du lịch chung**’ theo mẫu của Nhà bảo hiểm.
- Chứng từ chứng minh việc Chủ thẻ sử dụng thẻ được bảo hiểm để thanh toán hành trình du lịch/chuyến bay khứ hồi. Ví dụ: hóa đơn thanh toán thẻ; sao kê thẻ...
- Chứng từ chứng minh lịch trình/độ dài chuyến đi.
- Thẻ lên máy bay / vé máy bay của hành trình được bảo hiểm.
- Thông tin bảo hiểm khác người thụ hưởng quyền lợi hiện đang sở hữu liên quan (nếu có), ví dụ: *bảo hiểm hộ gia đình, bảo hiểm du lịch khác...*

Hủy bỏ hành trình / chuyến đi

- Đơn ‘**Khiếu nại bảo hiểm hủy bỏ hành trình**’ theo mẫu của Nhà bảo hiểm.
- Thông báo chính thức về lý do hủy bỏ hành trình từ hãng vận chuyển; hoặc
- Xác nhận y khoa về cho thương tích / bệnh tật phát sinh là nguyên nhân của việc hủy bỏ hành trình; hoặc
- Bảng chứng từ cơ quan có thẩm quyền nêu chi tiết lý do hủy chuyến đi là cần thiết.

Trì hoãn chuyến đi

- Đơn ‘**Khiếu nại bảo hiểm sự cố hành trình**’ theo mẫu của Nhà bảo hiểm.
- Thông báo chính thức từ phía hãng vận chuyển (hãng hàng không/đường sắt/hãng tàu) nêu rõ lý do và thời gian trì hoãn.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 16: CLAIM DOCUMENTS

MỤC 16: CHỨNG TỪ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

Upon making any claim requests, the ‘Insured Persons’ are advised to submit the following documents to the Insurer for claim processing:

All claims

- A copy of passport and citizen identification.
 - Completed ‘**General Travel Claim Form**’ as provided by the Insurer.
 - Proof of using the insured card to pay for the covered journey (eg. card sales slip, card statement...).
 - Proof of duration of the journey and travel schedule.
 - Boarding pass or travel ticket of the covered journey.
 - Ownership of other insurance(s) by the ‘Insured Person’ if available (e.g, household insurance, other travel insurance...).
-

Travel cancellation

- Completed ‘**Travel Cancellation Claim Form**’ as provided by the Insurer.
 - Official communication stating reason for cancellation:
 - ✓ Cancellation notification from common carrier; or
 - ✓ Medical certificate for injury/illness; or
 - ✓ Evidence from appropriate authority detailing why trip cancellation was necessary.
-

Travel delay

- Completed ‘**Travel Inconvenience Claim Form**’ as provided by the Insurer.
 - Official notification from common carrier (airline/rail network/ferry) detailing the reason for cancellation and length of delay.
-

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 16: CLAIM DOCUMENTS

MỤC 16: CHỨNG TỪ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

- | | |
|-------------------------|--|
| Trì hoãn hành lý | <ul style="list-style-type: none">• Đơn ‘Khiếu nại bảo hiểm sự cố hành trình’ theo mẫu của Nhà bảo hiểm.• Báo cáo hành lý bất thường nếu hành lý bị thất lạc / mất do hãng vận chuyển (hàng không) cung cấp xác nhận thời gian trì hoãn hành lý thực tế, ngày giờ hành lý được hoàn trả và bất kỳ khoản bồi thường đã nhận liên quan (nếu có). |
|-------------------------|--|

- | | |
|--|---|
| Bảo hiểm mất / thất lạc hành lý | <ul style="list-style-type: none">• Đơn ‘Khiếu nại bảo hiểm hành lý’ theo mẫu của Nhà bảo hiểm.• Biên bản / báo cáo tường trình cảnh sát về việc thất lạc / mất cắp hành lý hoặc vật dụng cá nhân đi kèm hành lý.• Báo cáo hành lý bất thường nếu hành lý bị thất lạc / mất do hãng vận chuyển (hàng không) cung cấp. Chi tiết số tiền được đền bù từ hãng vận chuyển hoặc bên phải chịu trách nhiệm về tổn thất (nếu có).• Thông tin chi tiết vật dụng bị mất / thất lạc theo hành lý: ngày mua hàng, số tiền thanh toán, năm sản xuất, ảnh chụp (nếu có). Gửi kèm hóa đơn mua vật dụng (bản gốc).• Thông tin bất kỳ khoản bồi thường đã nhận liên quan (nếu có). |
|--|---|

- | | |
|--------------------------------|---|
| Tai nạn du lịch cá nhân | <ul style="list-style-type: none">• Đơn ‘Khiếu nại bảo hiểm tai nạn du lịch cá nhân’ theo mẫu của Nhà bảo hiểm.• Báo cáo y tế.• Biên bản công an.• Chứng tử, báo cáo khám nghiệm tử thi, cáo phó.• Bản khai chi tiết về tai nạn. |
|--------------------------------|---|

Chứng từ yêu cầu bồi thường này không làm thay đổi các điều kiện điều khoản của hợp đồng bảo hiểm và được sử dụng như một tài liệu tham khảo đối với từng loại yêu cầu bồi thường. Các chứng từ được yêu cầu có thể thay đổi bởi Nhà bảo hiểm tùy theo từng trường hợp.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 16: CLAIM DOCUMENTS

MỤC 16: CHỨNG TỪ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

-
- | | |
|-----------------------------|--|
| Travel Luggage Delay | <ul style="list-style-type: none">• Completed 'Travel Inconvenience Claim Form' as provided by the Insurer.• Property Irregularity Report (PIR) from transportation operator or handling agent confirming actual period of luggage delay, date and time travel luggage was returned and if any other compensation was awarded. |
|-----------------------------|--|
-

- | | |
|----------------------------|--|
| Travel Luggage Loss | <ul style="list-style-type: none">• Completed 'Travel Inconvenience Claim Form' as provided by the Insurer.• Loss/theft of travel luggage and personal items – police report.• Loss/theft/damage of personal items in transit – Property Irregularity Report (PIR) confirming incident, item(s) concerned and confirmation of compensation awarded.• Detailed information on lost personal items: including date of purchase/actual cash paid, year of manufacturing, photo (if any)... Attach original receipts of items lost.• Details of amount recoverable from liable carrier or other liable parties. |
|----------------------------|--|
-

- | | |
|---------------------------------------|---|
| Travel Personal Accident/Death | <ul style="list-style-type: none">• Completed 'Travel Personal Accident Claim Form' as provided by the Insurer.• Police report.• Medical report.• Death certificate & supporting proof such as autopsy, obituary.• A detailed description of how the accident occurred and the injuries sustained. |
|---------------------------------------|---|
-

The above listed claim documents do not change any terms and conditions of this Insurance certificate and will be used as a reference to claims. Requested claim documents may change on a case-by-case basis.

BẢO HIỂM DU LỊCH TOÀN CẦU | GLOBAL TRAVEL INSURANCE

POLICY SCHEDULE | QUY TẮC BẢO HIỂM

SECTION 17: OTHER PROVISIONS

MỤC 17: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 17.1** All Cardholders are entitled to the Benefits and Services from the date of activation of their card account and subject to the appropriate premium having being paid to the Underwriter.

Tất cả Chủ thẻ đều được hưởng các Quyền lợi và Dịch vụ kể từ ngày kích hoạt tài khoản thẻ của họ và phụ thuộc vào phí bảo hiểm đã thanh toán cho Nhà bảo hiểm.

- 17.2** The entitlement to Benefits and Services will cease automatically on the date the Underwriter receives a written notification of the deletion of the Cardholder or the cancellation of the Cardholder's insured card account, whichever comes first.

Quyền lợi và Dịch vụ sẽ tự động chấm dứt vào ngày Nhà bảo hiểm nhận được thông báo bằng văn bản về việc xóa Chủ thẻ hoặc chấm dứt tài khoản thẻ của Chủ thẻ, tùy theo điều kiện nào đến trước.

- 17.3** Sanction Limitation and Exclusion Clause / Điều khoản giới hạn và cấm vận

No insurer shall be deemed to provide cover and no insurer shall be liable to pay any claim or provide any benefit hereunder to the extent that the provision of such cover, payment of such claim or provision of such benefit would expose that (re)insurer to any sanction, prohibition or restriction under United Nations resolutions or the trade or economic sanctions, laws or regulations of the European Union, United Kingdom or United States of America.

Công ty bảo hiểm không xem xét việc bảo hiểm cũng như chịu trách nhiệm chi trả cho bất kỳ khiếu nại hay quyền lợi đó có thể khiến Công ty bảo hiểm đó bị xử phạt, ngăn cấm, hạn chế theo quyết định của Liên hợp quốc hoặc hoặc các chế tài về thương mại, kinh tế, luật hoặc quy định của Liên minh Châu Âu, Vương Quốc Anh hoặc Hoa Kỳ.

- 17.4** Quyền lợi bảo hiểm sẽ được tích hợp vào Thẻ. Theo đó, Đơn vị Bảo hiểm và Sacombank sẽ không cấp giấy chứng nhận bảo hiểm riêng lẻ đến từng Chủ thẻ.

As insurance components will be embedded into the Card, no issuance of separate insurance certificate to Cardholders.